

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TÍN CHỈ
NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC
HỆ: VỪA LÀM VỪA HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-YDHP
ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

HẢI PHÒNG - NĂM 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~574~~ /BGDDĐT-GDDH
V/v Đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại
học của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 72...
Ngày: 18/02/2016
Chuyển: 06...

Kính gửi: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng,

Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được Báo cáo số 420/BC-YDHP về việc xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học ngành Dược học, Xét nghiệm Y học và Điều dưỡng. Sau khi xem xét đề nghị của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao đào tạo các ngành Điều dưỡng, Dược học và Xét nghiệm Y học trình độ đại học hệ chính quy và cho phép đào tạo liên thông các ngành trên từ trung cấp lên đại học.

Theo Điều 6 Thông tư số 55/2012/TT-BGDDĐT ngày 25/12/2012 quy định về đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học: "Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp lên trình độ cao đẳng hoặc từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học."

Như vậy, Trường tự xây dựng chương trình, tổ chức tuyển sinh, đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học các ngành trên.

Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo để Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Văn Ga (để b/c);
- Lưu VT, Vụ GDDH.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đặng Quang Việt

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 224/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 15 tháng 7 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Đào tạo liên thông trình độ cao đẳng lên đại học ngành Xét nghiệm Y học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ- BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2016 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Xét nghiệm Y học;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo liên thông trình độ cao đẳng lên đại học ngành Xét nghiệm Y học từ năm học 2017 – 2018.

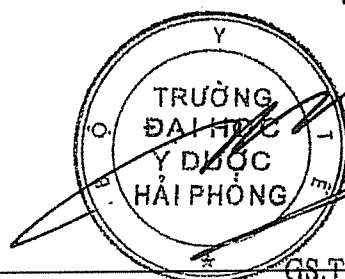
Điều 2. Chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng lên đại học ngành Xét nghiệm Y học thực hiện theo Quyết định số 223/QĐ-YDHP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng chức năng, các Khoa – Bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: HC; ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Số: ~~223~~/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 27/02/2015 của Hội đồng Khoa học – Giáo dục Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đối với các ngành sau:

- Y Đa khoa hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Răng hàm mặt hệ Chính quy;
- Y học dự phòng hệ Chính quy;
- Y học cổ truyền hệ Chính quy;
- Dược sĩ đại học hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Cử nhân Điều dưỡng hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học;
- Cử nhân Xét nghiệm y học hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học.

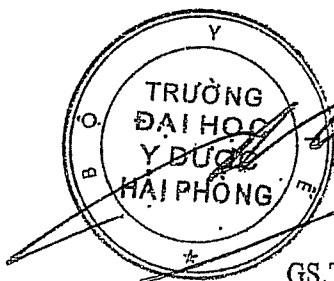
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu HC; ĐTDH;



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Xét nghiệm y học (Laboratory Medicine Technique)

Mã ngành đào tạo: 52720332

Hình thức đào tạo: Liên thông Vừa làm học Cao đẳng lên Đại học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 519/QĐ-YHP
ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Xét nghiệm y học có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở vững chắc; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ đại học, làm chủ được các kỹ thuật xét nghiệm thuộc các lĩnh vực: Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học – Truyền máu, Miễn dịch và Giải phẫu bệnh, tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra)

1.2.1. Kiến thức

- Giải thích được nguyên lý và cơ chế của các xét nghiệm thông thường.
- Chỉ đạo được việc thực hiện các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng.
- Thực hiện được những biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

1.2.2. Kỹ năng

- Tham gia tổ chức và quản lý được hoạt động của một phòng xét nghiệm y sinh học ở tuyến Tỉnh.
- Sử dụng và bảo quản được trang thiết bị phòng xét nghiệm, các hóa chất, sinh phẩm chuyên dùng.
- Pha chế được các dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử môi trường trong các lĩnh vực chuyên khoa, sử dụng được các bộ thuốc thử.
- Làm được các xét nghiệm Huyết học truyền máu, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Miễn dịch, Tế bào và Giải phẫu bệnh.
- Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, nghiên cứu KH.

1.2.3. Thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Khiêm tốn học tập vươn lên.

- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp: Các bệnh viện, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo cán bộ y tế và các cơ sở y tế khác.

1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Thạc sỹ

- Tiến sỹ

2. **ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Học sinh tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO:

Áp dụng “Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành kèm theo Quyết định số 161 ngày 16/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và “Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. THANG ĐIỂM:

Thực hiện theo điều 22 và 23 “Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- *Khối lượng kiến thức tối thiểu:* 59 TC

- *Thời gian đào tạo:* 2.0 năm

5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

5.3. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- *Khối lượng kiến thức tối thiểu:* 59 TC

- *Thời gian đào tạo:* 2.0 năm

5.4. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVTC
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành	09
	- Kiến thức ngành	39
	- Kiến thức bổ trợ	05
	- Thi tốt nghiệp	06
Tổng cộng		59

5.5. Khung chương trình giáo dục

5.5.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số ĐVTC	Phân bố ĐVTC	
			LT	TH
1.	Giải phẫu	2	1	1

2.	Mô phôi	2	1	1
3.	Sinh học và di truyền	2	1	1
4.	Sinh lý	2	1	1
5.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	1	0
	Tổng cộng	9	5	4

5.5.2. Kiến thức ngành

T T	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số ĐVTC	Phân bố ĐVTC	
			LT	TH
1	Giải phẫu bệnh 1	2	1	1
2	Giải phẫu bệnh 2	2	1	1
3	Hóa sinh 1	2	1	1
4	Hoá sinh 2	2	1	1
5	Hoá sinh 3 :Hóa sinh nâng cao	2	1	1
6	Huyết học đông máu – truyền máu	4	2	2
7	Huyết học tế bào	2	1	1
8	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1
9	Ký sinh trùng 1	3	1	2
10	Ký sinh trùng 2	2	1	1
11	Tổ chức quản lý & Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	4	2	2
12	Vi sinh 1	2	1	1
13	Vi sinh 2	3	1	2
14	Xét nghiệm cơ bản	2	1	1
15	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	1
16	Y sinh học phân tử	3	1	2
	TỔNG	39	18	21

5.5.3. Kiến thức bổ trợ chuyên ngành

1	Huyết học chuyên sâu	2	1	1
2	Pháp luật y tế	1	1	0
3	Vi sinh 3: Vi sinh lâm sàng	2	1	1
4	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	6	3	3
	Tổng	11	6	5

6. Hướng dẫn thực hiện

• Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản - Y học cơ sở - Y tế công cộng - Y học lâm sàng

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Nhà trường, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

• Phương pháp dạy học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy : Thuyết giảng, thảo luận nhóm, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, thực hành, cemin... tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

- **Thực tập**

- Thực hành các môn khoa học cơ bản, y học cơ sở : tại các phòng thực hành chức năng tại các bộ môn, labo Trung tâm .
- Thực tập tiền lâm sàng : Tại trung tâm Skillab của trường
- Thực hành tại bệnh viện : Tại các cơ sở thực hành chính như : BV hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng ; BV Đại học Y Hải Phòng ; BVĐK Kiến An ; BV Phụ sản Hải Phòng ; BV Trẻ em Hải Phòng ; BV Tâm thần Hải Phòng ; BV Lao và bệnh phổi Hải Phòng ; BV Y học cổ truyền Hải Phòng ; BV Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí ; BVĐK quốc tế Hải Phòng ; BV quốc tế Green ; Viện Y học biển.
- Thực tế tại cộng đồng
Sinh viên đi thực tế cộng đồng vào thời gian: vào cuối năm thứ sáu sau khi sinh viên đã học xong một số môn chuyên ngành.

- **Kiểm tra, thi**

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do giảng viên đánh giá. Mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra phong phú nhằm đánh giá năng lực người học.

- **Thi tốt nghiệp:**

Thời gian ôn thi và khóa luận: theo Quyết định số: 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và “Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian thi: theo Quy định thực tế của nhà trường.

Hình thức thi: có 2 hình thức: Thi lý thuyết, thi lâm sàng.

HIỆU TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học: 45		

Đối tượng sinh viên: Cử nhân Xét nghiệm y học vừa học vừa làm từ Cao đẳng

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Trần Thị Xen

BS Lê Thị Yến

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản nhất về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe
2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
3. Vận dụng được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập các môn học của chuyên ngành.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Mở đầu. Đại cương cơ, xương, khớp.	1	2
2	Cơ - mạch - thần kinh chi trên	1	2
3	Cơ - mạch - thần kinh chi dưới	1	2
4	Động mạch, tĩnh mạch vùng đầu mặt cổ. Tai, mắt	1	2
5	ĐC tuần hoàn, tim. Các ĐM, TM lớn ngực bụng	2	4
6	Khí quản, phổi, màng phổi	2	4
7	Miệng, răng, lưỡi, hầu, thực quản,	1	2
8	Phúc mạc, dạ dày, tiểu tràng, đại tràng	1	2
9	Gan, cuống gan. Tá tràng, tụy, lách	1	2
10	Tiết niệu – Hệ sinh dục nam nữ	1	2
11	ĐC hệ TK, tuỷ sống. Thân não, tiểu não, gian não	1	2
12	Bán cầu đại não. Đường dẫn truyền thần kinh. Hệ thống não thất	1	2
13	Các dây thần kinh sọ. Hệ TK tự chủ. Màng, mạch não	1	2
Tổng		15	30

5.2 Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Cơ, mạch, thần kinh chi trên	4	2
2	Cơ, mạch, thần kinh chi dưới	4	2
3	Cân cơ đầu mặt cổ, cơ thân mình, ống bẹn	2	1
4	Đ/c tuần hoàn, tim, mạch máu lớn ở cổ, ngực, bụng	4	2
5	Cơ quan hô hấp	4	2
6	Hệ tiêu hóa và các tuyến phụ thuộc	4	2
7	Hệ tiết niệu, sinh dục	4	2
8	Thần kinh sọ não, thực vật, các tuyến nội tiết	4	2

Tổng	30	15
-------------	-----------	-----------

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu hệ thống chi - Nguyễn Hữu Chính - NXB Y học

Giải phẫu thần kinh – Nguyễn Hữu Chính – NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 1, 2, 3 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y...

Atlas GP Fank H. Netter

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc (bản mềm)

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc. (bản mềm)

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi Sinh viên, phỏng vấn....

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận

- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn

Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi tự luận

Trọng số (%) các điểm:

Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Bảo Tân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Mã số: Mô học

2. Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

3. Số tiết học: 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 1, Thực hành: 1)

5. Đối tượng: Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm – Hệ liên thông vừa học vừa làm từ cao đẳng lên đại học

6. Giảng viên giảng dạy:

- TS Vũ Sỹ Khang

- Bs Đỗ Đình Tiếp

- ThS. Phạm Thị Thu Thủy

- KTV Hoàng Văn Chính

- BS. Khổng Thị Vân Anh: *đi học cao học*

- KTV Phạm Thị Thái

- BS. Phạm Thùy Linh

- KTV Nguyễn Tuyết Nhung

- BS. Phạm Hồng Minh

- BS. Trần Thị Thanh Bình: *về trường từ tháng 11/2015*

7. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các tế bào và mô đại cương trong cơ thể người bình thường.

2. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các mô cơ quan của cơ thể người bình thường. Liên hệ được với hoạt động chức năng của chúng.

8. Nội dung:

8.1. Lý thuyết

STT	Nội dung giảng	Số tiết	Tự học
1	Nhập môn – Mô biểu mô – Mô liên kết	03	
2	Mô cơ – Mô thần kinh – Hệ tuần hoàn	03	
3	Da & phụ thuộc da – Hệ hô hấp – Hệ tiết niệu	03	
4	Hệ tiêu hóa	03	
5	Hệ nội tiết – Hệ sinh dục	03	
Tổng		15	30

8.2. Thực hành

STT	Nội dung bài học	Số tiết
1	Biểu mô	04
2	Mô liên kết	04
3	Mô cơ – Mô thần kinh	04
4	Hệ tuần hoàn – Hệ bạch huyết	04
5	Ống tiêu hóa chính thức	04
6	Tuyến tiêu hóa – Phổi – Da & phụ thuộc da	04
7	Thận – Sinh dục – Nội tiết – Mắt	04
8	Ôn tập	02
Tổng		30

9. Phương pháp dạy - học:

9.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, nghiên cứu trước tài liệu, thảo luận nhóm
- Thực hành: + Thảo luận nhóm
 - + Mô tả, minh họa bằng tranh ảnh, video, tiêu bản
 - + Hướng dẫn xem tiêu bản trên kính hiển vi

9.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu của môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

10. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi cử. Sinh viên cần học trước các học phần: sinh học, giải phẫu để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.
- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: 02 bài kiểm tra về các nội dung được học và tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:
 - + Lý thuyết: thi trắc nghiệm MCQ
 - + Thực hành: thi chạy trạm

Tỷ trọng điểm: $(LT \times 2 + TH) / 3$

11. Tài liệu học tập:

11.1. Tài liệu giảng dạy

1. Mô - phôi : Phần mô học: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế: Y học, 2007. - 299tr. ; 27cm.
2. Thực hành mô học (Đại học Y Hải Phòng), năm 2011.

11.2. Tài liệu tham khảo:

1. Mô học/ Phan Chiến Thắng - Nhà xuất bản Y học, 2005- 326tr.
2. Mô học tạng và hệ thống/ Nguyễn Trí Dũng - Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 2010. - 305tr; 26cm.

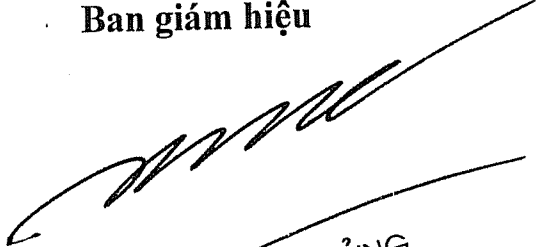
12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành: giảng dạy tại phòng thực hành của Bộ môn tầng 5 khu nhà A

Hải Phòng, ngày 15 tháng 9 năm 2016

Ban giám hiệu

Trưởng bộ môn


HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*



PGS.TS. Vũ Sỹ Kháng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN SINH HỌC - DI TRUYỀN

1. Mã số môn học: Sinh học - Di truyền
2. Đối tượng: Cử nhân xét nghiệm y học hệ liên thông vừa làm vừa học (Cao đẳng lên Đại học)
3. Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
4. Số tiết học: 48 Lý thuyết: 18 Thực hành: 30
5. Số lần thi: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
6. Số tiết tự học: 36
7. Mục tiêu:

Phần Sinh học đại cương

- 1) Trình bày được cấu trúc, chức năng của tế bào và các hoạt động sống cơ bản của cơ thể sống.
- 2) Trình bày được cơ sở di truyền trong tế bào và các qui luật di truyền cơ bản ở sinh vật.
- 3) Trình bày được quá trình phát triển cá thể ở động vật.
- 4) Trình bày được phân loại đột biến và cơ chế phát sinh đột biến.

Phần Di truyền y học

- 1) Trình bày được các phương pháp nghiên cứu DT y học và ứng dụng.
- 2) Nêu được đặc điểm bộ gen người, bộ NST người và một số kĩ thuật di truyền ứng dụng trong y học.
- 3) Trình bày được các nguyên lý di truyền cơ bản chi phối các tính trạng, bệnh di truyền của người.
- 4) Nhận biết được dấu hiệu lâm sàng của một số bệnh tật di truyền ở người.

8. Nội dung chi tiết

LÝ THUYẾT

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
1	<u>Sinh học tế bào</u> - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào. - Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào. - Sự vận động của tế bào.	3	6
2	<u>Di truyền học</u> I. Cơ sở vật chất di truyền: - Cấu tạo ADN, ARN, các cơ chế tái bản ADN, sao mã, tổng hợp		

	Protein và cơ chế điều hoà hoạt động của gen. - Khái quát về bộ gen người. - Tiêu chuẩn xếp loại bộ nhiễm sắc thể người - nhiễm sắc thể giới – vật thể giới. II. Các cơ chế di truyền cơ bản ở sinh vật: di truyền đơn gen: gen trội/lặn trên nhiễm sắc thể thường, giới tính; di truyền đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính. III. Các phương pháp nghiên cứu di truyền y học - PP nghiên cứu gia hệ, nếp vân da, tế bào học, con sinh đôi, di truyền học quần thể người... - Một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học: Kỹ thuật di truyền tế bào – các phương pháp nhuộm nhiễm sắc thể người, các kỹ thuật di truyền phân tử...	6	12
3	<u>Sinh học phát triển các thể:</u> - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người. - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể. - Sự tái sinh ở sinh vật. - Bất thường bẩm sinh - Di truyền ung thư	3	6
4	<u>Đột biến và bệnh học di truyền:</u> - Phân loại đột biến. - Đột biến gen. - Các bệnh đột biến đơn gen. - Bệnh đa gen đa nhân tố. - Các bệnh rối loạn phân tử Protein không là men : bệnh về hemoglobin; Bệnh về các yếu tố đông máu.; các bệnh rối loạn chuyển hóa: rối loạn chuyển hoá đường; chuyển hoá acid amin; chuyển hoá Lipit. - Đột biến số lượng và đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể. - Bệnh học nhiễm sắc thể.	6	12
	Tổng số giờ chuẩn	18	36

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Sử dụng kính hiển vi quang học – hình dạng tế bào	4
2	Trao đổi chất qua màng tế bào	4
3	Phân bào nguyên nhiễm, giảm nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
4	Phân tích nếp vân da bàn tay – Một số kỹ thuật di truyền phân tử	4
5	Làm tiêu bản vật thể giới tính và quan sát vật thể giới tính	4
6	Kiến tập nuôi cấy phân tích NST. Làm tiêu bản NST kỳ giữa	4

	nhuộm thường. Quan sát cụm nhiễm sắc thể người.	
7	Lập karyotyp – Quan sát hình thái hồng cầu bệnh, huyết sắc tố bệnh lý.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng số	30

9. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phần bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
 - Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
 - Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời câu hỏi trắc nghiệm
Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.

- ✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

11. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

12. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

13. Tài liệu học tập:

Tài liệu giảng dạy:

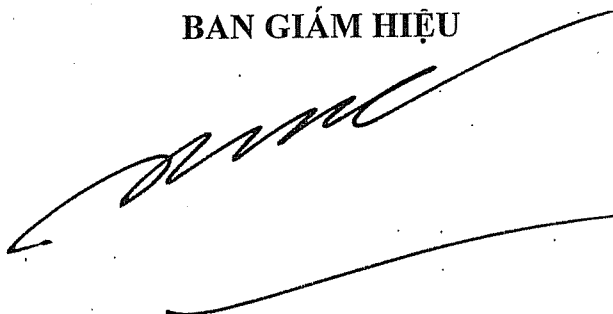
1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

3. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Sinh học- Di truyền*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Tài liệu tham khảo:

4. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
6. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
7. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
8. Ngô Giang Liên (1993), *Thực tập Tế bào học*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
9. Trịnh Văn Bảo và cs. (2005), *Thực tập Sinh học*, Nhà xuất bản Y học.
10. Đỗ Kính (2008), *Phôi thai học: thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chừ*

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 201

Trưởng bộ môn



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ

SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý*

3. Số tín chỉ: 2. Lý thuyết: 1. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 15. Thực hành 30.
Số giờ tự học: 45

4. Chuyên ngành đào tạo: Cử nhân Điều dưỡng liên thông, Cử nhân Kỹ thuật y học liên thông.

5. Năm học: năm thứ 1.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi.

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. ThS. Phạm Thị Nguyên
5. ThS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

* Về kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

* Về kỹ năng:

- Thao tác đúng các bước tiến hành và phân tích, diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học và thăm dò chức năng cơ bản (Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu; bắt mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm).
- Có kỹ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

* Về thái độ:

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kỹ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp, thực hành những kỹ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

Sinh lý học là môn học gồm:

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các cácnội dung về Đặc điểm cơ thể sống và nội môi; Sinh lý tế bào; Sinh lý máu và dịch thể; Chuyển hóa năng lượng; Quá trình điều nhiệt trong cơ thể; Sinh lý hệ cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nội tiết, sinh sản, thần kinh).

- Phần thực hành gồm: một số các kĩ thuật xét nghiệm máu, thăm dò chức năng, một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 16 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

* Điều kiện:

- Môn học tiên quyết: các môn học cơ bản (Sinh học, Di truyền...), môn y học cơ sở (Giải phẫu, Mô học).

- Môn học song hành: các môn y học Cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

* Yêu cầu:

- Thao tác đúng quy trình kĩ thuật: Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu, bất mạch, đo huyết áp, ghi điện tim, đo chức năng thông khí phổi, chẩn đoán thai sớm.

- Nhận định được kết quả xét nghiệm công thức máu. Nhận định, giải thích được kết quả một số thực nghiệm đánh giá chức năng, điều hòa hoạt động chức năng tuần hoàn, nội tiết, sinh sản, thần kinh.

* Chỉ tiêu:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành

- Chỉ tiêu bài kiểm tra

+ Một bài thi thực hành x 33%

+ Một bài thi hết học phần lý thuyết x 67%.

12. Nội dung học phần

* Lý thuyết:

Bài 1. Đại cương cơ thể sống và hằng tính nội môi

1. Đặc điểm của sự sống

2. Nội môi và hằng tính nội môi

2.1. Nội môi

2.2. Hằng tính nội môi và hệ thống ổn định hằng tính nội môi

3. Điều hòa chức năng

3.1. Điều hòa bằng đường thần kinh

3.2. Điều hòa bằng đường thể dịch

3.3. Cơ chế điều hòa ngược

Bài 2: Sinh lý học tế bào

1. Đặc điểm cấu trúc chức năng của màng tế bào

2. Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.1. Quá trình khuếch tán

2.2. Quá trình vận chuyển tích cực

Bài 3: Điện thế màng và điện thế hoạt động

1. Cơ sở vật lý của điện thế màng

2. Điện thế nghỉ

3. Điện thế hoạt động

Bài 4: Sinh lý máu

1. Những tính chất và chức năng chung của máu

1.1. Tính chất của máu

1.2. Chức năng chung của máu

2. Hồng cầu

2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu

2.2. Chức năng của hồng cầu

2.3. Điều hòa số lượng hồng cầu

3. Nhóm máu và truyền máu

3.1. Hệ thống nhóm máu ABO

3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

4. Bạch cầu

4.1. Chức năng của các loại bạch cầu

4.2. Số lượng và công thức bạch cầu

5. Tiểu cầu

5.1. Cấu trúc, đặc tính của tiểu cầu

5.2. Chức năng của tiểu cầu

6. Quá trình cầm máu

6.1. Giai đoạn thành mạch

6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu

6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông

6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông

6.5. Những chất gây đông và chất chống đông sử dụng trong lâm sàng

Bài 5: Chuyển hóa năng lượng

1. Các dạng năng lượng trong cơ thể

2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng

2.1. Tiêu hao năng lượng cho tồn tại và duy trì sự sống

2.2. Tiêu hao năng lượng cho phát triển cơ thể

2.3. Tiêu hao năng lượng cho sinh sản

3. Nguyên tắc của các phương pháp đo tiêu hao năng lượng

4. Điều hòa chuyển hóa năng lượng

4.1. Ở mức tế bào

4.2. Ở mức cơ thể

Bài 6: Điều hòa thân nhiệt

1. Thân nhiệt và các yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt

2. Quá trình sinh nhiệt

3. Quá trình tỏa nhiệt

4. Cơ chế điều nhiệt

4.1. Cơ chế chống nóng

- 4.2. Cơ chế chống lạnh
- 4.3. Các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người
5. Sốt, tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt

sửa 19/3/2018

Bài 7: Sinh lý hệ tiết niệu

1. Quá trình lọc ở cầu thận
2. Quá trình tái hấp thu ở ống lượng gần, quai Henle
3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống lượng xa và ống góp
4. Nguyên lý của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.

Bài 8: Sinh lý hệ thần kinh

1. Sinh lý hệ thần kinh trung ương
2. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương
3. Chức năng các cấu trúc thuộc hệ thần kinh trung ương
 - 3.1. Tủy sống
 - 3.2. Hành não
 - 3.3. Não giữa
 - 3.4. Thê lưới
 - 3.5. Tiểu não
 - 3.6. Não trước và vỏ não
4. Hệ thần kinh thực vật
 - 4.1. Thần kinh giao cảm
 - 4.2. Thần kinh phó giao cảm
5. Thần kinh cấp cao

Bài 9: Sinh lý tuần hoàn

1. Sinh lý tim
 - 1.1. Các đặc tính sinh lý cơ tim
 - 1.2. Chu kỳ tim
 - 1.3. Điều hòa hoạt động tim
2. Sinh lý tuần hoàn động mạch
 - 2.1. Các loại huyết áp động mạch
 - 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp động mạch
 - 2.3. Điều hòa tuần hoàn động mạch
3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch
4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 10: Sinh lý hô hấp

1. Chức năng thông khí
2. Chức năng vận chuyển khí
 - 2.1. Máu vận chuyển oxy
 - 2.2. Máu vận chuyển CO₂
3. Quá trình trao đổi khí
4. Điều hòa hô hấp
 - 4.1. Vai trò của các trung tâm hô hấp
 - 4.2. Vai trò của một số yếu tố và cấu trúc thần kinh khác

4.3. Vai trò của một số yếu tố thể dịch

Bài 11: Sinh lý tiêu hóa

1. *Tiêu hóa ở miệng*
 - 1.1. Hoạt động cơ học
 - 1.2. Hoạt động bài tiết nước bọt
2. *Tiêu hóa ở dạ dày*
 - 2.1. Hoạt động cơ học
 - 2.2. Hoạt động bài tiết dịch vị
3. *Tiêu hóa ở ruột non*
 - 3.1. Hoạt động cơ học
 - 3.2. Hoạt động bài tiết dịch tụy
 - 3.3. Hoạt động bài tiết dịch mật
 - 3.4. Hoạt động bài tiết dịch ruột non
4. *Tiêu hóa ở ruột già*

Bài 12: Sinh lý nội tiết

1. *Đại cương về các tuyến nội tiết và hormon*
2. *Chức năng nội tiết vùng dưới đồi*
3. *Chức năng nội tiết tuyến yên*
4. *Chức năng nội tiết tuyến giáp, tuyến cận giáp*
5. *Chức năng nội tiết tuyến thượng thận*
6. *Chức năng nội tiết tuyến tụy*

Bài 13: Sinh lý sinh sản

1. *Sinh lý sinh sản nam*
 - 1.1. Chức năng ngoại tiết của tinh hoàn
 - 1.2. Chức năng nội tiết của tinh hoàn
 - ~~1.3. Dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam~~
 - 1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam
2. *Sinh lý sinh sản nữ*
 - 2.1. Chức năng ngoại tiết của buồng trứng
 - 2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng
 - 2.3. Chu kỳ kinh nguyệt
 - 2.4. Dậy thì và mãn kinh
 - 2.5. Thụ thai, mang thai, sỏ thai
 - 2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai
 - 2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm
3. *Cơ sở sinh lý học của các biện pháp tránh thai*

*** Thực hành:**

- Bài 1. Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.
- Bài 2. Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.
- Bài 3. Phân tích cung phản xạ tủy. Đo cứng mắt não trên thỏ. Phá một bên tiểu não ếch và bồ câu.

Bài 4. Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên hoạt động tim. Nút buộc Staninus. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.

Bài 5. Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tuồng trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.

Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.

Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.

13. Phương pháp giảng

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm hoặc phân tích mẫu kết quả xét nghiệm.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phần, bảng.
- Kính hiển vi, buồng đếm tế bào máu, ống potain, máu, lam kính, bông cotton, kim chích, hóa chất, ống nghe, huyết áp, máy điện tim, máy đo chức năng thông khí hồi, máy siêu âm, động vật thực nghiệm ếch, bò cạp, thỏ, chó, bàn mổ, panh, kéo, thuốc hóa chất, hệ thống đo chức năng sống

15. Đánh giá

15.1. Đánh giá ban đầu

- Pháp vấn

15.2. Đánh giá quá trình

- Pháp vấn
- Kiểm tra viết ngắn 10'

15.2. Đánh giá kết thúc học phần

- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần
- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: $(\text{điểm thực hành} \times \text{hệ số } 1 + \text{điểm lý thuyết} \times \text{hệ số } 2) / 3 = \text{điểm học phần}$

16. Tài liệu học tập, tham khảo

* Tài liệu học tập

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.
2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

* Tài liệu tham khảo

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.

5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

* Phần lý thuyết

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/T LTK	Hình thức học
1	Đại cương cơ thể sống, hằng tính nội môi	0.5	PGS. Mùi	[2-5]	Thuyết trình, Pháp vấn, Thảo luận
2	Sinh lý tế bào	1.0	PGS. Mùi		
3	Sinh lý máu	1.5	ThS. Hồng		
4	Sinh lý chuyển hóa năng lượng	0.5	ThS. Trang		
5	Sinh lý điều nhiệt	1.0	ThS. Trang		
6	Sinh lý hệ tiết niệu	1.5	ThS. Nguyễn		
7	Sinh lý thần kinh	1.5	PGS. Mùi		
8	Sinh lý tuần hoàn	1.5	ThS. Hồng		
9	Sinh lý hô hấp	1.5	ThS. Nguyễn		
10	Sinh lý tiêu hóa	1.5	ThS. Trang		
11	Sinh lý nội tiết	1.5	ThS. Đông		
12	Sinh lý sinh sản	1.5	ThS. Đông		
Tổng		15			

* Thực hành

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/TLTK	Hình thức học
1	Bài 1: Đếm số lượng hồng cầu. Đếm số lượng bạch cầu. Định lượng Hemoglobin.	4	PGS Mùi	[1]	- GV: giới thiệu bài học - KTV: thao tác mẫu hướng dẫn kỹ thuật. - SV: + Quan sát, Thực hiện kỹ thuật. + Viết báo cáo thực hành.
2	Bài 2: Đo tốc độ máu lắng. Đo thời gian MC - MĐ. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu. Định công thức BCPT.	4	PGS Mùi		
3	Bài 3: Phân tích cung phản xạ tủy. Duỗi cứng mắt não trên thỏ. Phá một bên tiểu não ếch và bò câu.	4	ThS Nguyễn		
4	Bài 4: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim, vai trò của dây X lên hoạt động tim. Nút buộc Stanius. Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.	4	ThS Đông		

5	Bài 5: Ghi huyết áp động mạch chỏ, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tuồng trình thí nghiệm). Cắt tuyến yên ếch. Chẩn đoán có thai bằng nghiệm pháp sinh vật học. Gây sốc hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	ThS. Trang		
6	Bài 6. Đo huyết áp động mạch người. Nghe tiếng tim. Đo điện tâm đồ. Đo chức năng hô hấp.	5	ThS. Hồng		
7	Bài 7. Nghiên cứu hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ. Chẩn đoán có thai bằng HCG vitest.	5	ThS. Hồng		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

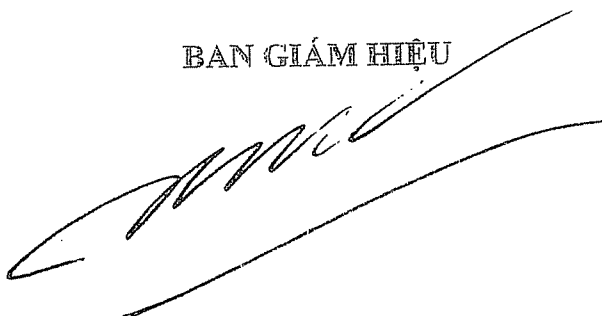
18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

BAN GIÁM HIỆU

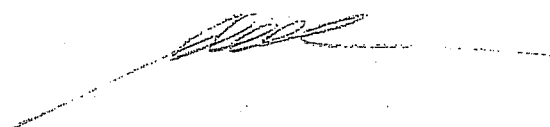


HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 1

Lý thuyết: 1

Phân bố thời gian (tiết):

Lý thuyết: 15

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Cử nhân Kỹ thuật y học hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học

Học phần tiên quyết: Sinh lý học

Học phần học trước: Giải phẫu, Hóa sinh

Học phần song hành: Dược lý, Vi sinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng, Trần Thị Thu Hằng

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.

- Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Trình bày được những quy luật chung về bệnh lý của các cơ quan chức phận, của một số quá trình bệnh lý điển hình và của bệnh nói chung; mô tả được cấu tạo và cơ chế hoạt động chính của các cơ quan, tế bào miễn dịch, các phân tử trực thuộc của hệ miễn dịch, mối quan hệ hợp tác điều hòa giữa chúng trong đáp ứng miễn dịch nói chung và miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh như nhiễm trùng, ung thư; cũng như cơ chế khái quát của các hiện tượng bệnh lý miễn dịch (quá mẫn, tự miễn, suy giảm miễn dịch) và một số nguyên lý chung về điều trị rối loạn miễn dịch

- Kỹ năng: Có kỹ năng suy luận tổng hợp, phân tích các tình huống xét nghiệm, áp dụng các kiến thức thích hợp vào công tác chẩn đoán và điều trị bệnh

- Thái độ: có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỷ mỉ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về môn SLB và các khái niệm cơ bản	1		2
2	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	1		2
3	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	1		2
4	Rối loạn chuyển hóa nước - điện giải	1		2
5	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	1		2
6	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	1		2
7	Sinh lý bệnh chức năng tạo máu	1		2
8	Sinh lý bệnh chức năng chức năng gan	1		2
9	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	1		2
10	Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	1		4
11	Rối loạn cân bằng acid base	1		4
12	Tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật	1		2
13	Hệ thống bổ thể	1		4
14	Miễn dịch dịch thể và Miễn dịch tế bào	1		2
15	Kháng nguyên và phức hợp hòa hợp mô(MHC)	1		4
16	Một số kỹ thuật miễn dịch hiện đại	0		0
Tổng		15		30

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,...	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			

Tuần 1:	- Đại cương môn học - Sinh lý bệnh phản ứng viêm	- Giảng viên phân tích các khái niệm cơ bản và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các hàng rào miễn dịch, phân loại hệ thống miễn dịch - Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng viêm và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các phản ứng xảy ra trong viêm				- Sinh viên tìm hiểu cụ thể các hàng rào miễn dịch và các cách phân loại hệ thống miễn dịch sau khi đã được giảng viên hướng dẫn - Sinh viên tìm hiểu bản chất các phản ứng xảy ra trong viêm sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	
	- Sinh lý bệnh cấu tạo máu - Sinh lý bệnh hệ hô hấp	- Giảng viên phân tích sự thay đổi bệnh lý dòng hồng cầu và một vài thay đổi của dòng bạch cầu và tiểu cầu. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu		So sánh rồi		- Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp - Sinh viên tiếp tục tìm	

		và tiểu cầu - Giảng viên phân tích các thăm dò chức năng hô hấp và triệu chứng lâm sàng của một số rối loạn hô hấp thường gặp. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn các trọng điểm mà sinh viên cần nắm được để tìm hiểu thêm về các rối loạn hô hấp khác		loạn thông khí hạn chế và rối loạn thông khí tắc nghẽn		hiểu các rối loạn hô hấp ít phổ biến sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp	
	- <i>Sinh lý bệnh chức năng gan</i> - <i>Hệ thống bổ thể</i>	- Giảng viên tóm lược qua các chức năng và cơ chế hoạt động của gan - Giảng viên phân tích rối loạn chuyển hóa glucid và protid khi gan bị bệnh. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh - Giảng viên phân tích cơ chế hoạt hóa				- Sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

		bổ thể, con đường hoạt hóa cổ điển, đồng thời hướng dẫn sinh viên tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể				trên lớp	
	- Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên cơ chế bệnh sinh của suy tim, tăng huyết áp và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn				- Sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn trên cơ sở giảng viên đã minh họa các bệnh lý điển hình	
Tuần 2	- Sinh lý bệnh hệ tiết niệu - Rối loạn thăng bằng acid - base	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên sự thay đổi về số lượng và chất lượng nước tiểu, sau đó hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về sự thay đổi các thông số sinh hóa máu liên quan - Giảng viên phân tích cho sinh viên thấy				- Sau khi đã hiểu cơ chế sự thay đổi số lượng và chất lượng nước tiểu sinh viên tìm hiểu thêm sự thay đổi sinh hóa máu liên quan trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn chi tiết	

		rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ tìm hiểu cơ chế của rối loạn thăng bằng acid base còn lại				- Sinh viên tìm hiểu sự rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể trên lớp	
	- Sinh lý bệnh phản ứng sốt - Rối loạn chuyển hóa các chất	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trọng điểm	

	- Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng thời tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	
	- Miễn dịch dịch thể - Miễn dịch tế bào	- Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch tế bào				- Sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn trên cơ sở giảng viên đã phân tích cụ thể cơ chế của quá mẫn	
	- Tế bào	- Giảng viên				- Sau khi	

	<i>cơ quan miễn dịch</i> - <i>Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật</i>	phân loại tế bào miễn dịch và phân tích minh họa cho sinh viên quá trình biệt hóa của 1 dòng tế bào. Sau đó hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác - Giảng viên phân tích cho sinh viên các cơ chế chính trong đáp ứng miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc thêm các tài liệu tham khảo liên quan tới nội dung bài giảng				được giảng viên hướng dẫn chi tiết, sinh viên tự đọc hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác - Sau bài học sinh viên tìm hiểu thêm các kiến thức về cơ chế miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật mà giảng viên đã hướng dẫn trên lớp	
--	---	---	--	--	--	---	--

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận, ... tự học trên mô hình, video.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Nhà xuất bản Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học
3. Sinh lý bệnh học / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2004. - 452tr. ; 24cm
4. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần miễn dịch học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 157tr. ; 27cm.
5. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần sinh lý bệnh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 255tr. ; 27cm.
6. Miễn dịch học cơ bản. - H. : Y học, 1986. - 422 tr. ; 21 cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi lý thuyết:

- *Đánh giá ban đầu.*

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Sinh lý bệnh – miễn dịch

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết hỗ trợ cho việc học Sinh lý bệnh – miễn dịch

- *Đánh giá quá trình:* sinh viên cần tự giác học tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên

- *Đánh giá cuối kỳ:* Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: vấn đáp

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.2. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần chính là điểm thi lý thuyết

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

8.

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Phạm Huy Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC GIẢI PHẪU BỆNH 1

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45

Lý thuyết: 15

Thực hành: 30

Số giờ tự học: 26

Đối tượng sinh viên (dự kiến): KTYH cao đẳng liên thông lên đại học.

Học phần tiên quyết: Mô học

Học phần học trước: Giải phẫu

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giải phẫu bệnh - Y pháp

Giảng viên tham gia giảng dạy: Ngô Quang Dương, Phạm Văn Tuy.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh là môn khoa học hình thái và cơ chế gây bệnh, nên còn có thể gọi là môn bệnh học. Những biến đổi do bệnh tật gây nên gọi là tổn thương, hình thái tổn thương là các đặc điểm có thể quan sát phát hiện qua nhìn bằng mắt (đại thể), hoặc/và trợ giúp của kính hiển vi (vi thể), kính hiển vi điện tử (siêu vi) hoặc sinh học phân tử (bệnh học phân tử). Xét nghiệm giải phẫu bệnh phục vụ chẩn đoán và gián tiếp tham gia điều trị, phòng bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được vai trò của giải phẫu bệnh trong ngành y nói chung, chuyên ngành ung thư nói riêng; nắm được các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái tế bào và mô trong quá trình bệnh lý.
- Kỹ năng: Có kỹ năng tư duy tổng hợp, sử dụng được kết quả sinh thiết và tế bào bệnh học để xác định chẩn đoán các bệnh thường gặp ở Việt Nam, đóng góp cho điều trị, phòng bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh kinh điển được chia thành 2 phần: Giải phẫu bệnh đại cương (Viêm, u, rối loạn chuyển hoá, rối loạn tuần hoàn, bệnh lý bẩm sinh và di truyền,...) và giải phẫu bệnh bộ phận (bệnh học các cơ quan tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, tiết niệu,...)

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Nhập môn. Tổn thương cơ bản của tế bào và mô	1	1	3
2	Rối loạn chuyển hoá, rối loạn tuần hoàn			1
3	Đại cương u và ung thư	3	3	3
4	Viêm đại cương và viêm đặc hiệu, bệnh học nhiễm khuẩn	3	3	3
5	Bệnh hệ tim - mạch: Bệnh tim bẩm sinh, viêm nội tâm mạc do thấp và do vi khuẩn, xơ vữa động mạch	1	2	1
6	Bệnh hệ hô hấp: Tổn thương cơ bản của phổi; viêm phổi thùy; viêm phế quản phổi, ung thư phổi	1	4	2
7	Bệnh hệ tiêu hoá: Loét dạ dày; ung thư dạ dày; xơ gan; ung thư gan, apxe gan	1	6	3
8	Hệ sinh dục (nữ): Viêm cổ tử cung; ung thư cổ tử cung; u buồng trứng, u nguyên bào nuôi	1	2	2
9	Hệ thống máu và bạch huyết: Hạch viêm, U hạch, hạch di căn ung thư	1	3	2
10	Bệnh hệ tiết niệu: Tổn thương cơ bản của cầu thận, hình thái chính của bệnh cầu thận, u thận	1	2	2
11	Bệnh của da và vú: U hắc tố; u vú	1	2	2
12	Bệnh nội tiết: Bệnh tuyến giáp, bệnh tuyến tiền liệt	1	2	2
Tổng		15	30	26

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập, soi tiêu bản mô bệnh học và chẩn đoán bệnh.

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi kiến thức

- Khi thực tập: Sinh viên quan sát kính hiển vi tiêu bản mô bệnh học, nhận định, trao đổi và tự chẩn đoán.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng; tự học trên sách báo, video...

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Giải phẫu bệnh lý, nhà xuất bản y học 2004
- Giáo trình giải phẫu bệnh của bộ môn biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Giải phẫu bệnh, Học viện Quân Y năm 2010.

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Kiểm tra - đánh giá ban đầu:
 - + Bộ môn hỏi thăm sinh viên về các môn học trước (Giải phẫu, mô phôi học), về nội dung môn học, phần nào khó, phần nào dễ học.
 - + Hỏi những câu hỏi ngắn liên quan đến những bài học trước đó để đánh giá mức độ học - hiểu của sinh viên.
- Kiểm tra - đánh giá trong quá trình:
 - + Theo dõi sỹ số, theo dõi thái độ học tập của sinh viên.
 - + Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và kết quả đánh giá quá trình làm điều kiện kiểm tra - đánh giá kết thúc.
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ (kết thúc):
 - + Thi thực hành:

Sinh viên tham gia đủ các buổi thực hành sẽ được thi thực hành.

Hình thức kiểm tra: Vấn đáp.

- + Thi lý thuyết: Sinh viên thi đạt thực hành sẽ được thi lý thuyết

Hình thức thi: Tự luận

Thời lượng: 90 phút

Điểm tổng kết tính theo công thức: $TKHP = (LT + TH)/2$

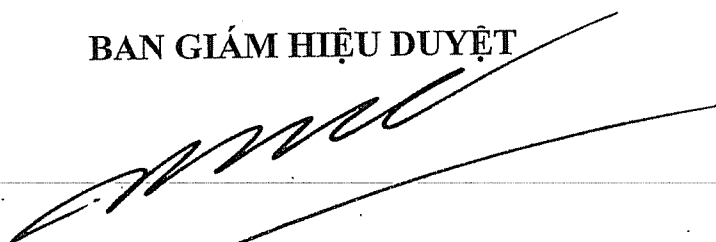
9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: Phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, kính hiển vi đủ với số lượng sinh viên, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

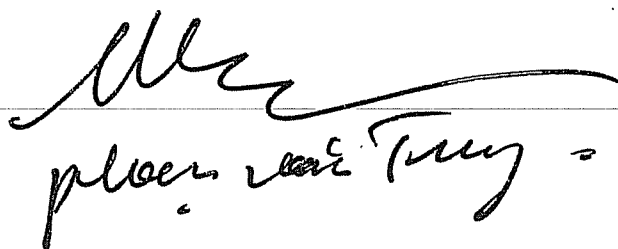
BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC KỸ THUẬT
GIẢI PHẪU BỆNH 2

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số đơn vị học trình: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 45	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30

Số giờ tự học: 20

Đối tượng sinh viên (dự kiến): KTYH cao đẳng liên thông lên đại học

Học phần tiên quyết: Mô học

Học phần học trước: Giải phẫu bệnh 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giải phẫu bệnh - Y pháp

Giảng viên tham gia giảng dạy: Ngô Quang Dương, Phạm Văn Tuy.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh là môn khoa học hình thái và cơ chế gây bệnh, nên còn có thể gọi là môn bệnh học. Những biến đổi do bệnh tật gây nên gọi là tổn thương, hình thái tổn thương là các đặc điểm có thể quan sát phát hiện qua nhìn bằng mắt (đại thể), hoặc/và trợ giúp của kính hiển vi (vi thể), kính hiển vi điện tử (siêu vi) hoặc sinh học phân tử (bệnh học phân tử). Xét nghiệm giải phẫu bệnh phục vụ chẩn đoán và gián tiếp tham gia điều trị, phòng bệnh. Kỹ thuật giải phẫu bệnh đóng góp vai trò quan trọng trong việc chẩn đoán chính xác tiêu bản giải phẫu bệnh (mô bệnh học, tế bào học,...).

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được vai trò của giải phẫu bệnh trong ngành y; nắm được các kỹ thuật cơ bản về xét nghiệm giải phẫu bệnh. Nắm vững nguyên tắc tổ chức một phòng xét nghiệm GPB, biết và sử dụng thành thạo các trang thiết bị của phòng xét nghiệm GPB

- Kỹ năng: Có kỹ năng lấy bệnh phẩm đúng; làm được tiêu bản giải phẫu bệnh phục vụ chẩn đoán theo đúng quy trình kỹ thuật.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh vi thể bao gồm: GPB vi thể, cách xây dựng một phòng xét nghiệm GPB chuẩn; kỹ thuật lấy bệnh phẩm và cố định; vùi bệnh phẩm và khử canxi; kỹ thuật cắt lạnh, cắt, dán mảnh, gắn lamên...

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Giới thiệu môn Kỹ thuật GPB. Đại cương về xét nghiệm vi thể. Xây dựng một phòng thí nghiệm GPB chuẩn.	2	4	1
2	Kỹ thuật lấy bệnh phẩm và cố định; gửi xét nghiệm	2	4	3
3	Kỹ thuật vùi bệnh phẩm và khử canxi	2	4	3
4	Kỹ thuật cắt và dán mảnh, gắn lamên	3	8	5
5	Nguyên tắc đại cương về nhuộm các tổ chức trong sinh vật học. Một số phương pháp nhuộm nhân, nhuộm bào tương thông dụng	2	4	3
6	Phương pháp cắt lạnh. Đại cương về xét nghiệm hoá mô, hoá mô miễn dịch. Xét nghiệm tổ chức sợi võng, tổ chức thần kinh, mô mềm,...	2	4	3
7	Một số nguyên tắc lấy bệnh phẩm tế bào các cơ quan	2	2	2
Tổng		15	30	20

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập, sinh viên được cố định, vùi bệnh phẩm, cắt và dán mảnh, gắn lamên.

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi kiến thức
- Khi thực tập: Sinh viên quan sát và làm theo hướng dẫn của cán bộ bộ môn
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng; tự học trên sách báo, video...

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Giải phẫu bệnh lý, nhà xuất bản y học 2004
- Giáo trình Kỹ thuật giải phẫu bệnh của bộ môn biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Giải phẫu bệnh, Học viện Quân Y năm 2010.

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Kiểm tra - đánh giá ban đầu:
- + Bộ môn hỏi thăm sinh viên về các môn học trước (Giải phẫu, mô phôi học), về nội dung môn học, phần nào khó, phần nào dễ học.

+ Hỏi những câu hỏi ngắn liên quan đến những bài học trước đó để đánh giá mức độ học - hiểu của sinh viên.

- Kiểm tra - đánh giá trong quá trình:

+ Theo dõi sỹ số, theo dõi thái độ học tập của sinh viên.

+ Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và kết quả đánh giá quá trình làm điều kiện kiểm tra - đánh giá kết thúc.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ (kết thúc):

+ Thi thực hành:

Sinh viên tham gia đủ các buổi thực hành sẽ được thi thực hành.

Hình thức kiểm tra: Vấn đáp và hoàn thiện một sản phẩm tiêu bản mô bệnh học.

+ Thi lý thuyết: Sinh viên thi đạt thực hành sẽ được thi lý thuyết

Hình thức thi: Tự luận

Thời lượng: 90 phút

Điểm tổng kết tính theo công thức: $TKHP = (LT + TH)/2$

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: Phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng xét nghiệm của khoa giải phẫu bệnh.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y D HẢI PHÒNG

BỘ MÔN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH 1, 2

ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC LIÊN THÔNG

1. Mã số môn học: HS

2. Số tín chỉ: 4 tín chỉ;

Lý thuyết: 2; thực hành: 2

3. Số tiết học:

Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 60 tiết

4. Số lần thi: 4

Lý thuyết: 2, thực hành: 2

5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:

1. Trình bày được cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
2. Trình bày được các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học

6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
HỌC PHẦN I: CẤU TẠO VÀ CHUYỂN HOÁ			
1	Hóa học Protid, Enzyme	2	4
2	Năng lượng sinh học, CH aa	2	8
3	Hóa học, CH Glucid	2	4
4	Hóa học, CH Lipid	1	4
5	Liên quan 3 chuyển hoá	Tự đọc	0
6	Hoá sinh màng	Tự đọc	0
	Cộng	15	30

HỌC PHẦN II: HOÁ SINH MÔ VÀ CƠ QUAN			
1	Hormon, CHMN	4	4
2	HS thận- NT, AB	4	8
3	Hb, HS gan	4	4
4	HS máu	3	14
	Cộng	15	30

GV giảng dạy: PGS Phạm Thị Lý, Ths Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Phương Thảo, Dương Thị Minh Thoa, Bùi Thị Hương Giang.

KTV: Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Bình, Trần Thị Phương Hạnh, Vũ Thị Trang Linh.

*** Mục tiêu chi tiết cho học phần 1**

- Lý thuyết

Bài 1: Bài mở đầu và hoá học protid

* Bài mở đầu: yêu cầu sinh viên phải trình bày được:

1. Khái niệm, mục tiêu học môn hoá sinh
2. Đơn vị dùng trong hoá sinh
3. Một số danh pháp sử dụng trong hóa sinh

* **Hoá học protid:** sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được khái niệm protid
2. Định nghĩa acid amin, công thức tổng quát
3. Phân loại acid amin theo cấu tạo mạch, nhu cầu cơ thể
4. Mô tả tính chất của acid amin, ứng dụng
5. Trình bày vai trò của acid amin
6. Trình bày khái niệm peptid, một số peptid sinh học
7. Trình bày khái niệm protein, cấu trúc bậc, phân loại protein, ví dụ minh hoạ;
8. Mô tả tính chất của protein, ứng dụng

9. Mô tả vai trò của protein

Bài 2: Enzym: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày khái niệm enzyme, vai trò sinh học của enzyme
2. Phân loại enzyme theo qui ước quốc tế, cho ví dụ minh họa
3. Mô tả thành phần cấu tạo của enzyme; động học enzyme
4. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzyme
5. Phân loại coenzyme. Mối liên quan giữa vitamin và coenzyme

Bài 3: Năng lượng sinh học: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày được khái niệm sự hô hấp tế bào
2. Mô tả được các thành phần tham gia CHHTB
3. Vẽ được sơ đồ vận chuyển điện tử (tạo H_2O), kết quả
4. Trình bày được sự phosphoryl-oxy hoá, cho ví dụ minh họa
5. Kể tên các liên kết giàu năng lượng, cho ví dụ minh họa
6. Trình bày các giai đoạn của chu trình Krebs.
7. Trình bày được vị trí, bản chất, kết quả, ý nghĩa chu trình Krebs.

Bài 4: Chuyển hoá acid amin, a nucleic: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được sự tiêu hoá protein, peptid
2. Mô tả sự thoái hoá nhóm amin theo con đường trao đổi amin: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa.
3. Mô tả thoái hoá nhóm amin theo con đường khử amin oxy hoá: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa
4. Trình bày số phận NH_3 , chu trình ure: nguyên liệu, các phản ứng, kết quả
5. Mô tả thoái hoá nhóm carboxyl, kết quả, ý nghĩa
6. Mô tả thoái hoá khung carbon
7. Trình bày được thành phần cấu tạo của mononucleotide
8. Mô tả vai trò của mononucleotide
9. Vẽ được sơ đồ thoái hoá base nitơ nhân purin

Bài 5: hoá học glucid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày khái niệm, vai trò, phân loại glucid
2. Định nghĩa monosaccarid, cách gọi tên, cấu tạo mạch
3. Mô tả tính chất của monosaccarid, ứng dụng
4. Trình bày tên, công thức cấu tạo, tính chất, vai trò của một số disaccarid thường gặp
5. Phân loại, cấu tạo, và vai trò của polysaccarid

Bài 6: Chuyển hoá glucid: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được quá trình tiêu hoá glucid

2. Trình bày được sự phân ly glycogen (phosphoryl phân)
3. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexodiphosphat (con đường đường phân) trong điều kiện hiếu khí và yếm khí: vị trí, các giai đoạn, phản ứng, kết quả, ý nghĩa
4. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexomonophosphate (chu trình pentose phosphate): vị trí, sơ đồ tổng quát, kết quả, ý nghĩa
5. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường uronic
6. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glucose
7. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glycogen
8. Trình bày một số rối loạn chuyển hoá glucid

Bài 7: hoá học lipid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa, vai trò của lipid
2. Phân loại acid béo, alcol
3. Phân loại lipid thuần, cho ví dụ, vai trò từng loại
4. Mô tả tính chất của triglycerid, ứng dụng
5. Phân loại lipid tạp, cho ví dụ, vai trò từng loại
6. Trình bày thành phần cấu tạo, cấu trúc, vai trò của lipoprotein

Bài 8: Chuyển hoá lipid: sau 2 tiết học, sinh viên phải

1. Trình bày được sự tiêu hoá lipid
2. Trình bày được sự thoái hoá glycerol
3. Trình bày được sự thoái hoá acid béo: vị trí, các bước, các giai đoạn của quá trình beta oxy hoá, kết quả
4. Mô tả sự hình thành thể cetonic và thoái hoá
5. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở bào tương: các enzyme, nguyên liệu, sơ đồ tổng hợp, kết quả
6. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở ty thể: nguyên liệu, các phản ứng.
7. Trình bày quá trình tổng hợp glycerol, leucithin, cephalin
8. Điều hoà tổng hợp cholesterol

Bài 10: Mối liên quan giữa 3 chuyển hoá (tự đọc):

1. Vẽ được sơ đồ về sự liên quan giữa 3 chuyển hoá G, L, P
2. Mô tả được các yếu tố điều hoà chuyển hoá

Bài 11: Hoá sinh màng: (tự học):

1. Mô tả cấu tạo màng tế bào
2. Trình bày các cơ chế vận chuyển các chất qua màng
3. Trình bày một số bệnh liên quan đến màng tế bào

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được *nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng* và *giải thích được kết quả và ứng dụng* từng phản ứng cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Acid amin

1. Phản ứng Ninhydrin
2. Phản ứng Adamkevich tìm tryptophan
3. Phản ứng Xantoprotein tìm acid amin vòng
4. Phản ứng PbS phát hiện acid amin chứa lưu huỳnh
5. Kiến tập sắc ký giấy

Bài 2 : Protein

1. Phản ứng biure
2. Tủa protein bằng cách đun sôi
3. Tủa protein bằng acid hữu cơ
4. Tủa protein bằng acid vô cơ
5. Tủa protein bằng muối kim loại nặng
6. Tủa protein bằng dung môi hữu cơ
7. Xác định điểm đẳng điện của albumin trứng
8. Diêm tích

Bài 3 : enzym

1. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến hoạt động của enzym
2. Ảnh hưởng của pH đến hoạt động của enzym
3. Ảnh hưởng của chất ức chế, chất hoạt hóa

Bài 4 : Hoạt động của enzym

- | | |
|-----------------|-------------|
| 1. Amylase | 3. Lipase |
| 2. Transaminase | 4. Catalase |

Bài 5: Hóa học glucid

1. Phản ứng Fehling
2. Phản ứng Selivanoff
3. Xác định tính khử của disaccarid

Bài 6: HH Glucid

1. Thủy phân disaccarid
2. Thủy phân tinh bột
3. Xác định acid lactic trong cơ

Bài 7: Lipid

1. Nhũ tương hóa dầu lạc

2. Chiết xuất leucithin
3. Xác định thành phần cấu tạo của leucithin
4. Xà phòng hóa dầu lạc

*** Mục tiêu chi tiết cho học phần 2:**

- Lý thuyết

Bài 1: Chuyển hoá muối nước: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của nước và một số chất điện giải trong cơ thể
2. Mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sự vận chuyển nước giữa gian bào và lòng mạch
3. Vẽ sơ đồ trao đổi nước giữa gian bào và lòng mạch.
4. Vẽ sơ đồ trao đổi muối giữa tế bào và gian bào
5. Mô tả các loại rối loạn chuyển hoá muối nước

Bài 2: Hormon: sau 2 tiết, sinh viên phải

1. Định nghĩa, phân loại hormone, mỗi loại cho một ví dụ
2. Trình bày được nguyên tắc tác dụng của hormone.
3. Trình bày được cơ chế tác dụng của hormone tan trong nước (adrenalin), hormone steroid.
4. Trình bày các chất truyền tin thứ 2 (truyền tin nội bào)
5. Trình bày các phản ứng tổng hợp, thoái hoá của catecholamine

Bài 3: Hoá sinh thận- nước tiểu: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng lọc và bài tiết nước tiểu
2. Trình bày được chức năng nội tiết của thận, bệnh lý liên quan
3. Trình bày được chức năng thăng bằng acid- base của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng thăng bằng acid, base
4. Mô tả tính chất lý, hoá học, thành phần của nước tiểu bình thường
5. Kể tên các chất bất thường trong nước tiểu và một số bệnh lý liên quan
6. Mô tả cơ chế xuất hiện glucose, protein, ceton, sắc tố mật trong nước tiểu

Bài 4: Thăng bằng acid-base: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa hệ đệm, các hệ đệm trong huyết tương và huyết cầu
2. Trình bày cơ chế đệm của hệ đệm bicarbonate, Hb
3. Trình bày vai trò điều hoà thăng bằng acid - base bởi phổi và thận
4. Mô tả các xét nghiệm đánh giá thăng bằng acid base
5. Mô tả các loại rối loạn thăng bằng acid-base

Bài 5: Hb: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của Hb
2. Mô tả cấu tạo của Hb, các loại Hb ở người trưởng thành
3. Mô tả được tính chất của Hb, ứng dụng
4. Trình bày được nguyên liệu, vị trí, các rối loạn tổng hợp Hb
5. Vẽ sơ đồ thoái hoá Hb tạo sắc tố mật
6. Trình bày rối loạn thoái hoá Hb

Bài 6: Hoá sinh gan: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày chức năng chuyển hoá của gan, các xét nghiệm hoá sinh đánh giá suy chức năng chuyển hoá
2. Trình bày chức năng tạo và bài tiết mật của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng tạo mật
3. Trình bày chức năng khử độc của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng khử độc
4. Trình bày một số xét nghiệm hoá sinh đánh giá tổn thương gan.

Bài 7: Hoá sinh máu: sau 3 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được nồng độ bình thường, bất thường của một số chất điện giải và các bệnh lý liên quan
2. Trình bày được: nguồn gốc, nồng độ bình thường, bất thường của một số chất hữu cơ không enzyme trong máu, các bệnh lý thường gặp
3. Trình bày được: nguồn gốc, hoạt độ bình thường, bất thường của một số enzyme huyết thanh, các bệnh lý liên quan
4. Trình bày được nồng độ một số hormone thường gặp, bệnh lý liên quan
5. Trình bày một số chỉ dấu khối u, giá trị bình thường, bệnh lý liên quan
- 6.

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được *nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng* và *nhận định được kết quả* từng xét nghiệm cụ thể trong từng bài:

Bài 1 +2: Sau khi học xong, sinh viên phải

1. Trình bày được định luật Lambert-Beer, ứng dụng
2. Trình bày một số nguyên lý đo quang và phương pháp đo
3. Trình bày mô tả một số tham số cần cài đặt cho máy hóa sinh
4. Trình bày được nguyên lý, tiến hành cài đặt, đo và nhận định được kết quả phản ứng

định lượng **protein, albumin**

5. Trình bày được nguyên tắc, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng **Rivalta, tìm protein niệu**

Bài 3: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được nguyên lý, tiến hành cài đặt, đo và nhận định được kết quả phản ứng định lượng **glucose, cholesterol** huyết thanh
2. Trình bày được nguyên tắc, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng tìm **glucose, cetone** niệu

Bài 4: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải trình bày được nguyên lý, tiến hành cài đặt, đo và nhận định được kết quả phản ứng: định lượng **triglyceride, HDL-C** huyết thanh

Bài 5: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được nguyên lý, tiến hành cài đặt, đo và nhận định được kết quả phản ứng:

định lượng **ure, creatinin**

2. Trình bày được nguyên tắc, tiến hành và nhận định được kết quả **tổng phân tích nước tiểu bằng thanh thử khô**

Bài 6: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được nguyên tắc, tiến hành cài đặt, đo và nhận định được kết quả phản ứng định lượng **bilirubin, calci**
2. Trình bày được nguyên tắc, tiến hành và nhận định được kết quả tìm **sắc tố mật, muối mật** trong nước tiểu

Bài 7: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được nguyên tắc, tiến hành cài đặt, đo và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ **AST, ALT** trong huyết thanh

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phần bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ, làm bài tập nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: Phỏng vấn nhanh

- Trong khi học: kiểm tra bài cũ

- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥ 5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi kết thúc học phần I:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành, nhận định kết quả và ứng dụng y học của 1 thí nghiệm

- Thi kết thúc học phần II:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: thi vấn đáp: trình bày nguyên tắc, tiến hành một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được.

- Điểm học phần 1 = (lý thuyết + thực hành) / 2

- Điểm học phần 2 = (lý thuyết + thực hành) / 2

9. Tài liệu học tập:

Hoá sinh y học: sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học, Bộ y tế. Nxb Y học, 2007

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYDHP

10. Tài liệu tham khảo

Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh, Bộ Y tế. Nxb Y học, 2015

Thực tập hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005

Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

12. Kế hoạch giảng dạy

Học phần I: học kỳ I năm 2.

Môn học tiên quyết: hoá học, sinh học, giải phẫu học

Môn học song hành: mô phôi, sinh lý

Học phần II: học kỳ I năm 2

Môn học tiên quyết: hoá sinh I

Giảng viên hỗ trợ học tập: Phụ trách bộ môn ThS Nguyễn Thị Phương Mai

SĐT: 0983731209

E-mail: ntpmai@hpmu.edu.vn

XÁC NHẬN CỦA BGH

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Phó trưởng phụ trách bộ môn

ThS Nguyễn Thị Phương Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y D HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BỘ MÔN HOÁ SINH

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH 3

ĐỐI TƯỢNG: CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC HỆ LIÊN THÔNG

1. Mã số môn học: HS
2. Số tín chỉ: 2 tín chỉ; Lý thuyết: 1; thực hành: 1
3. Số tiết học: Lý thuyết: 15 tiết; thực hành: 30 tiết
4. Số lần thi: 2 Lý thuyết: 1, thực hành: 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:
 1. Trình bày được xét nghiệm thường qui trong một số hội chứng, bệnh thường gặp,
 2. Tiến hành thành thực các xét nghiệm hóa sinh cơ bản.
6. Nội dung chi tiết:

STT	TÊN BÀI	Lý thuyết	Thực hành
		SỐ TIẾT	SỐ TIẾT
1	HS bệnh lý thận	8	8
2	HS bệnh lý ĐTĐ	6	8
3	HS bệnh lý tim mạch	8	4
4	HS bệnh lý gan, mật, tụy	8	6
TỔNG		30	30

GV giảng dạy: PGS Phạm Thị Lý, Ths Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Phương Thảo, Dương Thị Minh Thoa, Bùi Thị Hương Giang.

KTV: Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Bình, Trần Thị Phương Hạnh, Vũ Thị Trang Linh.

Nội dung chi tiết cho từng bài:

- Lý thuyết

Bài 1: sau khi học xong 4 tiết, sinh viên phải: trình bày các xét nghiệm thường qui được sử dụng trong chẩn đoán, theo dõi bệnh lý hội chứng thận hư, viêm cầu thận, suy thận

Bài 2: sau khi học xong 4 tiết, sinh viên phải: trình bày các xét nghiệm thường qui được sử dụng trong chẩn đoán, theo dõi bệnh lý đái tháo đường type 1 và type 2

Bài 3: sau khi học xong 4 tiết, sinh viên phải trình bày các xét nghiệm thường qui được sử dụng trong chẩn đoán, theo dõi bệnh lý rối loạn lipid máu, nhồi máu cơ tim, viêm cơ tim, suy tim

Bài 4: sau khi học xong 3 tiết, sinh viên phải trình bày các xét nghiệm thường qui được sử dụng trong chẩn đoán, theo dõi bệnh lý viêm gan, suy gan, viêm tụy

- Thực hành:

Bài 1:

- Soi cặn nước tiểu
- Tìm dưỡng chấp trong nước tiểu

Bài 2:

- Tiến hành thành thạo xét nghiệm định lượng ure, creatinin, acid uric trong máu
- Định lượng thành thạo định lượng ure, creatinin, acid uric trong nước tiểu
- Tính mức lọc cầu thận theo creatinin
- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả

Bài 3:

- Tiến hành thành thạo xét nghiệm định lượng glucose huyết thanh

- Tiến hành thành thạo xét nghiệm tìm glucose niệu
- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả

Bài 4:

- Tiến hành cài đặt và đo thành thạo hoạt độ CK, CKMB trong huyết thanh

Bài 5:

- Tiến hành cài đặt và định lượng thành thạo LDL, đo thành thạo hoạt độ LDH trong huyết thanh

Bài 6:

- Tiến hành đo thành thạo protein, albumin huyết thanh
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng

Bài 7:

- Tiến hành đo thành thạo hoạt độ AST, ALT, huyết thanh
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng
- Làm thành thạo nghiệm pháp OGT

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phân bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ, làm bài tập nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: phỏng vấn nhanh
- Trong khi học: kiểm tra bài cũ
- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥ 5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi kết thúc học phần :

Lý thuyết: thi viết tự luận

Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành thành thạo, nhận định kết quả

một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được.

- Điểm học phần = (lý thuyết + thực hành)/ 2

9. Tài liệu học tập:

Hoá sinh y học: sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học, Bộ y tế. Nxb Y học, 2007

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYDHP

10. Tài liệu tham khảo

Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh, Bộ Y tế. Nxb Y học, 2015

Thực tập hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005

Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

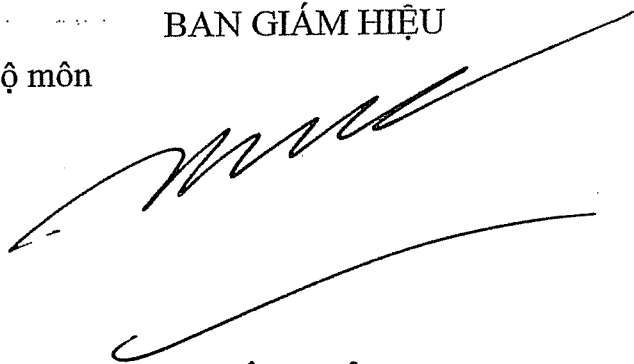
- Dụng cụ:

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

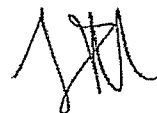
12. Kế hoạch giảng dạy: học kỳ 2 năm 3.

BAN GIÁM HIỆU
bộ môn



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

Phó trưởng phụ trách



ThS Nguyễn Thị Phương Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU
HỌC PHẦN : HUYẾT HỌC ĐÔNG - TRUYỀN MÁU

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: Huyết học II

Tổng số tín chỉ: 4	Lý thuyết: 2	Thực hành: 2
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 30	Thực hành: 60
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 10	Thực hành: 20

Thuộc chương trình đào tạo: Bậc đại học

Đối tượng sinh viên (dự kiến): **LIÊN THÔNG VHVLT TỪ CĐ LÊN ĐH**

Loại môn học: Bắt buộc ☒ Lựa chọn ☐

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Mô học, huyết học tế bào

Học phần học trước: huyết học tế bào

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, vi sinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kỹ thuật huyết học

Giáo viên giảng dạy bao gồm: Hoàng Văn Phóng

: Nguyễn Thị Thu Trang

: Phạm Thị Thùy Nhung

: Phạm Thị Lộc

: Mạc Thị Tịnh

Dạy môn Huyết học- truyền máu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần huyết học đông truyền máu có hai học phần riêng là huyết học đông máu và huyết học truyền máu như sau:

a) Huyết học đông máu

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức đại cương về cấu trúc chức năng tiểu cầu và các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản (vòng 1).
Quy trình thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên KTYH năm thứ hai.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

Kiến thức đại cương về cấu trúc chức năng tiểu cầu và các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản (vòng 1).

Quy trình thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và cơ sở và dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. Mục Tiêu tín chỉ huyết học đông máu

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức đại cương về cấu trúc chức năng tiểu cầu và các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản (vòng 1).

Quy trình thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Kiến thức đại cương về cấu trúc chức năng tiểu cầu và các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản (vòng 1).

Về kỹ năng

- thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm đông máu cơ bản

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Bài 1	Cấu trúc, chức năng, vai trò tiểu cầu trong đông cầm máu	2	1
Bài 2	Một số rối loạn đông máu di truyền mắc phải	4	1
Bài 3	Giới thiệu một số thuốc chống đông và xét nghiệm theo dõi	2	1
Bài 4	Nguyên lý, kỹ thuật sử dụng và bảo quản máy xét nghiệm đông máu tự động	1	

Bài 5	Kỹ thuật xét nghiệm thời gian máu chảy, thời gian máu đông, thời gian co cục máu đông	2	1
Bài 6	Kỹ thuật xét nghiệm thời gian phục hồi canxi (Howell), prothrombin (PT), thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT), thời gian thrombin (TT), định lượng fibrinogens	4	1
Tổng số		15	5 tiết

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Quan sát hình thái và độ tập trung tiểu cầu trên tiêu bản nhuộm Giemsa	2	1
Bài 2	Kỹ thuật xét nghiệm thời gian máu chảy, thời gian máu đông, thời gian co cục máu đông	8	2
Bài 3	Kỹ thuật xét nghiệm thời gian prothrombin (PT), thời gian phục hồi canxi (Howell)	8	3
Bài 4	Kỹ thuật xét nghiệm thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT), thời gian thrombin (TT), định lượng fibrinogen	8	3
Bài 5	Sử dụng và bảo quản máy xét nghiệm đông máu tự động	4	1
Tổng số		30	10 tiết

b) học phần huyết học truyền máu

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức đại cương về truyền máu: Tiêu chuẩn người hiến máu; Khám tuyển chọn; Kỹ thuật lấy máu; Quy trình sản xuất, bảo quản và chỉ định truyền máu; Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ ABO và Rh; Nghiệm pháp Coombs trực tiếp và gián tiếp; Kỹ thuật phát máu an toàn

+ Thực hành : Tuyển chọn được người hiến máu; thực hiện lấy đơn vị máu đúng tiêu chuẩn và phát được 01 đơn vị máu an toàn

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên KTYH năm thứ hai.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

Kiến thức đại cương về Truyền máu: tiêu chuẩn người hiến máu; Khám tuyển chọn; Kỹ thuật lấy máu; Quy trình sản xuất, bảo quản và chỉ định truyền máu; Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ ABO và Rh; Nghiệm pháp Coombs trực tiếp và gián tiếp; Kỹ thuật phát máu an toàn
Cách tuyển chọn được người hiến máu; thực hiện lấy đơn vị máu đúng tiêu chuẩn và phát được 01 đơn vị máu an toàn

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và cơ sở và dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức đại cương về Truyền máu: Tiêu chuẩn người hiến máu; Khám tuyển chọn; Kỹ thuật lấy máu; Quy trình sản xuất, bảo quản và chỉ định truyền máu; Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ ABO và Rh; Nghiệm pháp Coombs trực tiếp và gián tiếp; Kỹ thuật phát máu an toàn
- Tuyển chọn được người hiến máu; thực hiện lấy đơn vị máu đúng tiêu chuẩn và phát được 01 đơn vị máu an toàn

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Có kiến thức đại cương về truyền máu: Tiêu chuẩn người hiến máu; Khám tuyển chọn; Kỹ thuật lấy máu; Quy trình sản xuất, bảo quản và chỉ định truyền máu; Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ ABO và Rh; Nghiệm pháp Coombs trực tiếp và gián tiếp; Kỹ thuật phát máu an toàn

Về kỹ năng

- Tuyển chọn được người hiến máu;
- Thực hiện lấy đơn vị máu đúng tiêu chuẩn
- Phát được 01 đơn vị máu an toàn

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT
-----	--------	---------

		LT	Tự học
Bài 1	Tiêu chuẩn người hiến máu an toàn	2	1
Bài 2	Khám tuyển chọn người hiến máu	2	1
Bài 3	Kỹ thuật lấy máu (tiếp nhận máu)	2	0
Bài 4	Các chế phẩm máu: Quy trình sản xuất, bảo quản và chỉ định	2	1
Bài 5	Kỹ thuật xác định nhóm máu hệ ABO và Rh	1	0
Bài 6	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp và gián tiếp	2	1
Bài 7	Một số virus lây qua đường máu (HIV, HBV, HCV)	2	1
Bài 8	Kỹ thuật phát máu an toàn	2	0
Tổng số		15	5 tiết

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Kỹ thuật định nhóm ABO-Rh	2	2
Bài 2	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp và gián tiếp	4	0
Bài 3	Kỹ thuật phát máu an toàn	4	2
Bài 4	Kỹ thuật lấy máu (tiếp nhận máu)	8	2
Bài 5	Kỹ thuật sản xuất một số chế phẩm máu (Khối hồng cầu, huyết tương tươi đông lạnh, khối tiểu cầu pool)	8	2
Bài 6	Xét nghiệm sàng lọc HIV, HBV, HCV	4	2
Tổng số		30	10 tiết

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, quan sát theo nhóm, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Bài giảng huyết học truyền máu : Sau đại học. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung. nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản huyết học / Bộ y tế - Vụ khoa học và đào tạo. nhà xuất bản Y học, 1995.

6.2. Tài liệu tham khảo

3. Bệnh lý tế bào nguồn tạo máu: chẩn đoán và điều trị / Đỗ Trung Phần. nhà xuất bản Y học, 2003.
4. Cầm máu - đông máu: kỹ thuật và ứng dụng trong lâm sàng / Nguyễn Ngọc Minh. nhà xuất bản Y học, 1997
5. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học : Ban hành kèm theo Quyết định số 1494/QĐ-BYT ngày 22/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. nhà xuất bản Y học, 2016.

6. Hướng dẫn điều trị bệnh thiếu máu / Công Sĩ. - Cà Mau : Nxb. Mũi Cà Mau, 2000.
7. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Huyết học - Truyền máu - Miễn dịch - Di truyền - Sinh học phân tử : Ban hành kèm theo Quyết định số 2017/QĐ-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. nhà xuất bản Y học; 2015.
8. Huyết học - truyền máu: sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học. nhà xuất bản Y học, 2009.
9. Huyết học lâm sàng: những vấn đề có tính chất định hướng = Clinical hematology: a problem - oriented approach. / Isbister. James P. nhà xuất bản Y học, 1997.
10. Lâm sàng huyết học / Trần Văn Bé. nhà xuất bản Y học, 1998. - 487tr. ; 21cm. (1)
11. Máu và các chế phẩm máu : Tổ chức y tế thế giới.-. nhà xuất bản Y học, 1988.
12. Máu, truyền máu, các bệnh máu thường gặp / Thái Quý. nhà xuất bản Y học; 2002.
13. Sổ tay truyền máu / Trần Văn Bé. nhà xuất bản Y học, 1982.
14. Thực hành huyết học và truyền máu kỹ thuật và lâm sàng / Trần Văn Bé. - Tp. HCM. : Y học, 2003.
15. Truyền máu hiện đại : Cập nhật và ứng dụng trong điều trị bệnh / Đỗ Trung Phần. nhà xuất bản Giáo dục, 2012.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu:

+ Gặp mặt sinh viên đánh giá trình độ kiến thức chuyên ngành huyết học truyền máu trước mỗi học phần bằng hỏi vấn đáp sơ bộ.

+ Thời lượng: 1 tiết đầu giờ

+ Yêu cầu: Biết được tầm quan trọng của chuyên ngành huyết học – truyền máu trong lab và trên đối tượng bệnh nhân.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số chung là 10%

Chuyên cần: điểm

+ Theo dõi quá trình học của sinh viên, thái độ tham gia khi học lý thuyết và thực hành tại bộ môn, quá trình thảo luận bài tập nhóm...

- Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: điểm thi kết thúc học phần có trọng số 90%

+ Hình thức thi: Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp

: Thi kết thúc học phần: Thi viết

Điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.

Điểm kết thúc học phần được tính như sau:

Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết *2 + Điểm thi thực hành)/3

**TÍNH ĐIỂM CHUNG CỦA CẢ HỌC PHẦN LẤY THÀNH 2 ĐIỂM CỦA
2 HỌC PHẦN RIÊNG LÀ HUYẾT HỌC ĐÔNG MÁU VÀ HUYẾT HỌC
TRUYỀN MÁU CHO KẾT THÚC HỌC PHẦN.**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: phòng học rộng rãi, có quạt điện hoặc điều hòa vào mùa hè, ấm vào mùa đông.

Đầy đủ bàn ghế cho sinh viên ngồi học, thông thường 1- 2 sinh viên ngồi 1 bàn.

- Thực hành: Phòng thực hành sạch sẽ, thoáng gió.

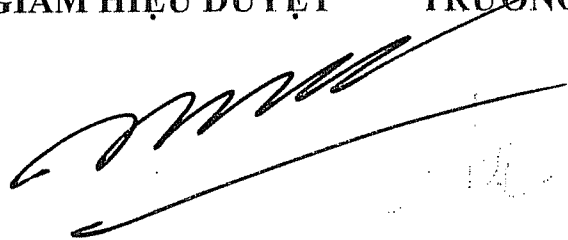
Đầy đủ hóa chất trong từng bài học cho mỗi sinh viên được thực hiện làm xét nghiệm

Dụng cụ trang thiết bị đầy đủ cho mỗi sinh viên thực hành.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TS. Nguyễn Hùng Cường



TS. Hoàng Văn Phóng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHOA KỸ THUẬT Y HỌC

BỘ MÔN KT HUYẾT HỌC-TRUYỀN MÁU

Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2017

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU

HỌC PHẦN: HUYẾT HỌC TẾ BÀO

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: Huyết học 1: huyết học tế bào

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): Lý thuyết: 5 Thực hành: 5

Thuộc chương trình đào tạo: Bậc đại học

Đối tượng sinh viên (dự kiến): **LIÊN THÔNG VHVLT TỪ CĐ LÊN ĐH**

Loại môn học: Bắt buộc ☒ Lựa chọn ☐

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Mô học

Học phần học trước: các môn chung và cơ sở khối ngành, cơ sở ngành

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, vi sinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kỹ thuật huyết học truyền máu

Giáo viên giảng dạy bao gồm: Hoàng Văn Phóng

: Nguyễn Thị Thu Trang

: Phạm Thị Thùy Nhung

: Phạm Thị Lộc

: Mạc Thị Tịnh

Dạy môn Huyết học- truyền máu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức đại cương về sinh máu, sinh lý sinh hóa máu, chuyển hóa sắt, cấu trúc huyết sắc tố, hệ nhóm máu ABO, cơ chế đông cầm máu và nhận biết được hình thái các dòng tế bào máu trong tủy xương đồng thời cung cấp thêm các kiến thức đại cương về các dòng tế bào máu ở máu ngoại vi. Giúp sinh viên nhận biết được hình thái các tế bào tạo máu bất thường và làm được các kỹ thuật xác định được số lượng và các chỉ số của các loại tế bào máu ở máu ngoại vi

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên KTYH năm thứ hai.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kiến thức đại cương về sinh máu, sinh lý sinh hóa máu, chuyển hóa sắt, cấu trúc huyết sắc tố, hệ nhóm máu ABO, cơ chế đông cầm máu và hình thái các tế bào máu trong máu ngoại vi và tủy xương

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và cơ sở và dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề....

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức đại cương về sinh máu, sinh lý sinh hóa máu, chuyển hóa sắt, cấu trúc huyết sắc tố, hệ nhóm máu ABO, cơ chế đông cầm máu và hình thái các tế bào máu.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Kiến thức đại cương về sinh máu, sinh lý sinh hóa máu, chuyển hóa sắt, cấu trúc huyết sắc tố, hệ nhóm máu ABO, cơ chế đông cầm máu và nhận biết được hình thái các tế bào máu trong tủy

Về kỹ năng

- Nhận biết hình thái bình thường dòng hồng cầu trong tủy xương
- Nhận biết hình thái bình thường dòng bạch cầu trong tủy xương
- Nhận biết hình thái bình thường dòng tiểu cầu trong tủy xương
- Nhận biết được hình thái các tế bào tạo máu bất thường
- Làm được các kỹ thuật xác định được số lượng và các chỉ số của các loại tế bào máu ở máu ngoại vi

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học

1	Sinh máu.	1	
2	Sinh lý, sinh hoá máu.	1	
5	Hệ thống nhóm máu ABO và ứng dụng	1	1
6	Cơ chế đông cầm máu.	1	1
7	Hình thái dòng hồng cầu bình thường và bất thường.	1	
8	Hình thái dòng bạch cầu bình thường và bất thường	1	
9	Hình thái dòng tiểu cầu bình thường và bất thường.	1	
11	Hình thái tế bào máu và cơ quan sinh máu trong một số bệnh lý	1	1
12	Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu bằng phương pháp thủ công	1	
13	Một số chỉ số tế bào máu ngoại vi, ý nghĩa	1	1
14	Kỹ thuật xét nghiệm lập công thức bạch cầu ở máu ngoại vi bằng phương pháp thủ công	1	
15	Kỹ thuật xét nghiệm đo tốc độ máu lắng, hematocrite, hemoglobin, hồng cầu lưới ở máu ngoại vi bằng phương pháp thủ công	2	
16	Nhận xét huyết đồ bình thường	1	1
17	Nguyên lý, kỹ thuật, sử dụng và bảo quản máy đếm tế bào máu ngoại vi	1	
Tổng		15	5

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
7	Hình thái dòng hồng cầu bình thường và bất thường.	1	1

8	Hình thái dòng bạch cầu bình thường và bất thường	1	1
9	Hình thái dòng tiểu cầu bình thường và bất thường.	1	1
10	Xét nghiệm tế bào nước dịch	1	
11	Hình thái tế bào máu và cơ quan sinh máu trong một số bệnh lý	1	1
12	Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu bằng phương pháp thủ công	8	1
13	Một số chỉ số tế bào máu ngoại vi, ý nghĩa	1	1
14	Kỹ thuật xét nghiệm lập công thức bạch cầu ở máu ngoại vi bằng phương pháp thủ công	4	1
15	Kỹ thuật xét nghiệm đo tốc độ máu lắng, hematocrite, hemoglobin, hồng cầu lưới ở máu ngoại vi bằng phương pháp thủ công	8	2
16	Nhận xét huyết đồ bình thường	2	1
17	Nguyên lý, kỹ thuật, sử dụng và bảo quản máy đếm tế bào máu ngoại vi	2	
Tổng		30	10

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, quan sát theo nhóm, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...

- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...

- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Bài giảng huyết học truyền máu : Sau đại học. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung. nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản huyết học / Bộ y tế - Vụ khoa học và đào tạo. nhà xuất bản Y học, 1995.

6.2. Tài liệu tham khảo

3. Bệnh lý tế bào nguồn tạo máu: chẩn đoán và điều trị / Đỗ Trung Phần. nhà xuất bản Y học, 2003.
4. Cầm máu - đông máu: kỹ thuật và ứng dụng trong lâm sàng / Nguyễn Ngọc Minh. nhà xuất bản Y học, 1997
5. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học : Ban hành kèm theo Quyết định số 1494/QĐ-BYT ngày 22/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. nhà xuất bản Y học, 2016.
6. Hướng dẫn điều trị bệnh thiếu máu / Công Sĩ. - Cà Mau : Nxb. Mũi Cà Mau, 2000.
7. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Huyết học - Truyền máu - Miễn dịch - Di truyền - Sinh học phân tử : Ban hành kèm theo Quyết định số 2017/QĐ-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. nhà xuất bản Y học, 2015.
8. Huyết học - truyền máu: sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học. nhà xuất bản Y học, 2009.
9. Huyết học lâm sàng: những vấn đề có tính chất định hướng = Clinical hematology: a problem - oriented approach. / Isbister. James P. nhà xuất bản Y học, 1997.
10. Lâm sàng huyết học / Trần Văn Bé. nhà xuất bản Y học, 1998. - 487tr. ; 21cm. (1)

11. Máu và các chế phẩm máu : Tổ chức y tế thế giới.-. nhà xuất bản Y học, 1988.
12. Máu, truyền máu, các bệnh máu thường gặp / Thái Quý. nhà xuất bản Y học, 2002.
13. Sổ tay truyền máu / Trần Văn Bé. nhà xuất bản Y học, 1982.
14. Thực hành huyết học và truyền máu kỹ thuật và lâm sàng / Trần Văn Bé. - Tp. HCM. : Y học, 2003.
15. Truyền máu hiện đại : Cập nhật và ứng dụng trong điều trị bệnh / Đỗ Trung Phần. nhà xuất bản Giáo dục, 2012.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu:

+ Gặp mặt sinh viên đánh giá trình độ kiến thức chuyên ngành huyết học truyền máu trước mỗi học phần bằng hỏi vấn đáp sơ bộ.

+ Thời lượng: 1 tiết đầu giờ

+ Yêu cầu: Biết được tầm quan trọng của chuyên ngành huyết học – truyền máu trong lab và trên đối tượng bệnh nhân.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số chung là 10%

Chuyên cần: điểm danh

+ Theo dõi quá trình học của sinh viên, thái độ tham gia khi học lý thuyết và thực hành tại bộ môn, quá trình thảo luận bài tập nhóm...

- Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: điểm thi kết thúc học phần có trọng số 90%

+ Hình thức thi: Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp

: Thi kết thúc học phần: Thi viết

Điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.

Điểm kết thúc học phần được tính theo công thức

$$KTHP = (\text{lý thuyết} * 2 + \text{thực hành}) / 3$$

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: phòng học rộng rãi, có quạt điện hoặc điều hòa vào mùa hè, ấm vào mùa đông.

Đầy đủ bàn ghế cho sinh viên ngồi học, thông thường 1- 2 sinh viên ngồi 1 bàn.

- Thực hành: Phòng thực hành sạch sẽ, thoáng gió.

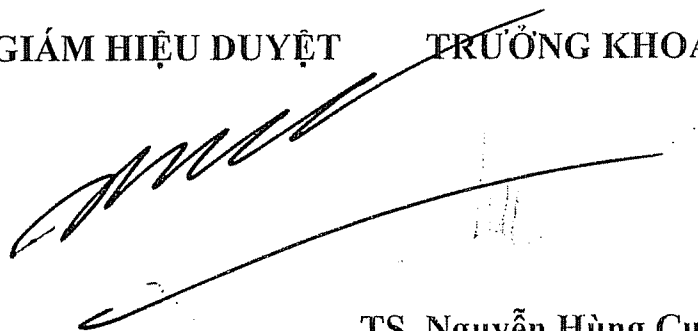
Đầy đủ hóa chất trong từng bài học cho mỗi sinh viên được
thực hiện làm xét nghiệm

Dụng cụ trang thiết bị đầy đủ cho mỗi sinh viên thực hành.

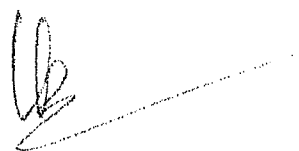
BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Hùng Cường



TS. Hoàng Văn Phóng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Mã số: Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

1.2. Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

1.3. Số tiết học: 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 30 tiết

1.4. Số lần kiểm tra: 2 Thi hết môn 1 Điểm môn học 1

Số chứng chỉ: 1

1.5. Đối tượng: Liên thông VHVL từ cao đẳng lên đại học

1.6. Học phần tiên quyết:

Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học và Giải phẫu bệnh

Học phần học trước

Học phần song hành

1.7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn chống nhiễm khuẩn bệnh viện –
Khoa Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Hải Phòng

1.8. Giảng viên giảng dạy:

- Ths. Đoàn Văn Hiến – Trưởng bộ môn Chống nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về KSNK và dịch tễ học bệnh viện, các kiến thức về miễn dịch, vi sinh liên quan đến KSNK

- Giúp học viên nắm vững thực hành về KSNK

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Có các khái niệm về nhiễm trùng bệnh viện và công tác chống nhiễm trùng tại bệnh viện.
- Có các kỹ năng thực hiện nội dung vệ sinh khoa phòng và biện pháp khử trùng - tiệt trùng trong bệnh viện.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài giảng	Số tiết	
		LT	TH
Lý thuyết			

1	Giới thiệu về chống nhiễm khuẩn bệnh viện	2	
2	Nhiễm trùng bệnh viện (định nghĩa, yếu tố nguy cơ, căn nguyên, phòng chống)	2	
3	Khử trùng, tiệt trùng trong bệnh viện	3	
4	- Vai trò của xét nghiệm vi sinh trong công tác phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện. - Xây dựng chiến lược phòng chống nhiễm trùng bệnh viện.	4	
5	Quản lý chất thải y tế	4	
Thực hành			
1	Giới thiệu về chống nhiễm khuẩn bệnh viện (tham quan khoa chống nhiễm khuẩn)		3
2	Nhiễm trùng bệnh viện (định nghĩa, yếu tố nguy cơ, căn nguyên, phòng chống)		3
3	Khử trùng, tiệt trùng trong bệnh viện		8
4	Vai trò của xét nghiệm vi sinh trong công tác phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện - Kiểm tra vô trùng không khí - Kiểm tra vô trùng các nguồn nước trong bệnh viện - Kiểm tra vô trùng dụng cụ (bông, băng, gạc, dụng cụ kim loại...), thiết bị y tế (máy móc...) - Kiểm tra vô trùng nền y tế		16
Tổng số		15	30

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống, bài phát tay và công cụ hỗ trợ (máy chiếu)

- Thực hành: + Thảo luận nhóm
+ Mô tả, minh họa bằng tranh ảnh, video, clip
+ Hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với phân tích tình huống

6. Tài liệu dạy và học:

6.1. Tài liệu dạy học

-Bài giảng Chống nhiễm khuẩn bệnh viện.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn, Bộ Y tế, 2004

<https://kcb.vn/vanban/huong-dan-phong-ngua-chuan-trong-cac-co-so-kham-chua-benh>

- Thông tư 18/2009/TT-BYT ngày 14/10/2009 về Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-18-2009-TT-BYT-huong-dan-cong-tac-kiem-soat-nhiem-khuan-trong-cac-co-so-kham-benh-chua-benh-96008.aspx>

- Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm

<http://vncdc.gov.vn/vi/he-thong-van-ban/1/3/6/032007qh12>

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...
- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...
- Đánh giá kết thúc học phần: 100%

+ Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

+ Thực hành: vấn đáp và tiến hành các kỹ thuật

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

8. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành: Tại Khoa Kỹ Thuật y học.

Ban giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Phụ trách bộ môn



ThS. Đoàn Văn Hiến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

KÝ SINH TRÙNG I, II

I. HỌC PHẦN ĐẠI CƯƠNG, GIUN SÁN VÀ ĐƠN BÀO

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 01 Thực hành: 02

Phân bố thời gian (tiết): 75 Lý thuyết: 15 Thực hành: 60

Số giờ tự học (tiết): 08

Đối tượng sinh viên: **Cử nhân kỹ thuật y học vừa học vừa làm - Cao đẳng**

Học phần tiên quyết: Sinh học, Sinh lý

Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Ký sinh trùng**

Giảng viên giảng dạy:

- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- TS. Vũ Văn Thái
- Ths. Võ Thị Thanh Hiền
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh
- CN. Trịnh Văn Khương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần đại cương, giun sán và đơn bào cho phép sinh viên hiểu rõ đặc điểm sinh học, chu kỳ, đường lây, đặc điểm dịch tễ học, bệnh học, hiểu được các biểu hiện bệnh lý lâm sàng, các phương pháp và kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh giun sán-đơn bào, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh giun sán-đơn bào.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày những kiến thức cơ bản về chu kỳ, dịch tễ, cách phòng chống bệnh ký sinh trùng.

- Trình bày đặc điểm hình thái, chu kỳ phát triển, đường lây nhiễm và tác hại của một số loài giun sán-đơn bào thường gặp ở Việt Nam.
- Trình bày được các biểu hiện bệnh lý do giun sán-đơn bào gây ra, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh giun sán-đơn bào.
- Lấy được bệnh phẩm và thực hiện thành thạo các phương pháp xét nghiệm chẩn đoán bệnh giun sán-đơn bào.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương ký sinh trùng y học	3		2
2.	Giun ký sinh - Đại cương giun ký sinh - Giun đũa - Giun tóc - Giun móc/giun mố - Giun kim - Giun chỉ bạch huyết	4		2
3.	Sán ký sinh - Đại cương sán lá ký sinh - Sán lá ký sinh (Sán lá gan nhỏ - Sán lá ruột - Sán lá phổi) - Đại cương sán dây ký sinh - Sán dây ký sinh (Sán dây lợn - Sán dây bò) - Giun sán hiếm gặp	4		2
4.	Đơn bào ký sinh - Đại cương đơn bào - Amip gây bệnh (<i>Entamoeba histolytica</i>) - Trùng roi + Đường máu và nội tạng + Đường tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu - Trùng lông	4		2

6.	Hình thể trứng giun thường gặp		4	
7.	Hình thể ấu trùng giun sán thường gặp		4	
8.	Hình thể giun sán trưởng thành thường gặp		4	
9.	Xét nghiệm phân: - Phương pháp trực tiếp - Phương pháp phong phú Willis		4	
10.	Xét nghiệm phân: - Phương pháp Kato - Phương pháp Kato - Katz		4	
11.	Xét nghiệm phân: - Phương pháp formalin - ete - Phương pháp Graham		4	
12.	Kỹ thuật xét nghiệm tìm mầm bệnh ký sinh trùng ở vật chủ trung gian (ốc, cá, chó, ...) và rau		4	
13.	Hình thể đơn bào: thể bào nang		4	
14.	Hình thể đơn bào: thể hoạt động		4	
15.	Kỹ thuật xét nghiệm phân tìm đơn bào		4	
16.	Kỹ thuật xét nghiệm máu và dịch tổ chức tìm đơn bào		4	
17.	Kỹ thuật phong phú bào nang đơn bào		4	
18.	Kỹ thuật nhuộm đơn bào		4	
19.	Kỹ thuật làm tiêu bản đơn bào		4	
20.	Kỹ thuật cấy đơn bào		4	
21.	Thi thực hành			

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống và công cụ hỗ trợ (máy chiếu).

- Thực hành: + Thảo luận nhóm.

+ Thực tập tại phòng xét nghiệm của bộ môn, hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với nhận định và phân tích tình huống, soi kính hiển vi.

6. Tài liệu dạy và học

6.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)
- Thực hành ký sinh trùng (Đại học Y Dược Hải Phòng), năm 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.
- Kỹ thuật ký sinh trùng y học.
- Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán.
- Cẩm nang phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, năm 2010.

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...
- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...
- Đánh giá kết thúc học phần: 100%

+ Thi thực hành: soi tiêu bản và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.

+ Thi lý thuyết: thi trắc nghiệm.

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

- Chuyên cần: tham gia học tập đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành.
- Kiểm tra thường xuyên: chấm điểm sau mỗi buổi thực hành.

8. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết : phòng học, máy chiếu, máy tính.
- Thực hành: 2 phòng thực hành, kính hiển vi, hóa chất...

II. HỌC PHẦN NĂM, SỐT RÉT VÀ TIẾT TÚC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02

Lý thuyết: 01

Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): 45

Lý thuyết: 15

Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 08

Đối tượng sinh viên: Cử nhân kỹ thuật y học vừa học vừa làm - Cao đẳng

Học phần tiên quyết: Sinh học, Sinh lý

Học phần học trước: Học phần đại cương và giun sán và đơn bào

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Ký sinh trùng**

Giảng viên giảng dạy:

- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- TS. Vũ Văn Thái
- Ths. Võ Thị Thanh Hiền
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh
- CN. Trịnh Văn Khương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cốt lõi và tiết túc cho phép sinh viên hiểu rõ đặc điểm sinh học, chu kỳ, đường lây, đặc điểm dịch tễ học, bệnh học, hiểu được các biểu hiện bệnh lý lâm sàng, các phương pháp và kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh nấm, sốt rét và tiết túc, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh nấm, sốt rét và tiết túc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày đặc điểm hình thái, chu kỳ phát triển, đường lây nhiễm và tác hại của nấm, sốt rét và tiết túc thường gặp ở Việt Nam.
- Trình bày được các biểu hiện bệnh lý do nấm, sốt rét và tiết túc gây ra, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh sốt rét và tiết túc.
- Lấy được bệnh phẩm và thực hiện thành thạo các phương pháp xét nghiệm chẩn đoán bệnh nấm, sốt rét và tiết túc.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1.	Nấm ký sinh	4		2
	- Đại cương nấm y học			
	- Nấm gây bệnh thường gặp ở Việt Nam			

2.	Ký sinh trùng sốt rét: - Đặc điểm sinh học - Bệnh học - Dịch tễ học - Sinh thái muỗi truyền bệnh sốt rét - Phòng chống bệnh sốt rét - Các phương pháp xét nghiệm chẩn đoán bệnh sốt rét - Ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc	4		2
3.	Tiết túc y học - Đại cương tiết túc y học - Các phương pháp sưu tầm tiết túc y học - Lóp nhện y học - Lóp côn trùng y học - Phòng chống tiết túc y học	4		2
4.	Ký sinh trùng cơ hội và Bệnh động vật truyền sang người	3		2
5.	Hình thể nấm men và nấm sợi		4	
6.	Phương pháp xét nghiệm nấm trực tiếp định dạng nấm sợi, nấm da, lông, tóc, móng		4	
7.	Kỹ thuật nuôi cấy nấm		4	
8.	Phương pháp lấy máu và làm tiêu bản máu		4	
9.	-Nhuộm tiêu bản máu bằng thuốc nhuộm giêm sa - Đánh giá kết quả nhuộm tiêu bản máu		4	
10.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết - xem tiêu bản mẫu)		4	
11.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4	

12.	Hình thể tiết túc		2	
13.	Thi thực hành			

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống và công cụ hỗ trợ (máy chiếu).
- Thực hành: + Thảo luận nhóm.

+ Thực tập tại phòng xét nghiệm của bộ môn, hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với nhận định và phân tích tình huống, soi kính hiển vi.

6. Tài liệu dạy và học

6.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)
- Thực hành ký sinh trùng (Đại học Y Dược Hải Phòng), năm 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.
- Kỹ thuật ký sinh trùng y học.
- Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán.
- Cẩm nang phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, năm 2010.

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...
- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...
- Đánh giá kết thúc học phần:
 - + Thi thực hành: soi tiêu bản và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.
 - + Thi lý thuyết: thi trắc nghiệm trên máy.

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

- Chuyên cần: tham gia học tập đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành.
- Kiểm tra thường xuyên: chấm điểm sau mỗi buổi thực hành.

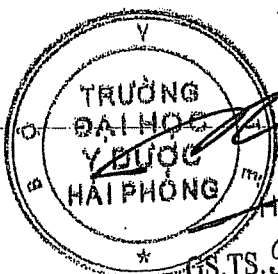
8. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết : phòng học, máy chiếu, máy tính.
- Thực hành: 2 phòng thực hành, kính hiển vi, hóa chất...

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Ban giám hiệu

Trưởng bộ môn



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Đinh Thị Thanh Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Tổ chức quản lý và đảm bảo chất lượng xét nghiệm

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Mã số:

1.2. Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2

1.3. Số tiết học: 90 Lý thuyết: 30 Thực hành: 60

Số giờ tự học: 60 tiết

1.4. Số lần kiểm tra: 2 Thi hết môn 1 Điểm môn học 1

Số chứng chỉ: 1

1.5. Đối tượng: Cử nhân kỹ thuật y học liên thông từ Cao đẳng lên Đại học

1.6. Học phần tiên quyết: Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học và Giải phẫu bệnh

Học phần học trước: không

Học phần song hành: không

1.7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Tổ chức quản lý và đảm bảo chất lượng xét nghiệm – Khoa Kỹ thuật Y học, Đại học Y Dược Hải Phòng

1.8. Giảng viên giảng dạy:

- TS. Vũ Văn Thái

- Ths. BSCKII. Trần Hoài Nam

- CN. Trần Minh Công

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Kết quả xét nghiệm góp phần rất quan trọng đối với các quyết định chẩn đoán, điều trị, phát hiện và tầm soát bệnh, nghiên cứu khoa học, giảng dạy...

- Muốn phát huy tối đa ý nghĩa và vai trò nêu trên thì xét nghiệm phải đảm bảo chất lượng. Vì vậy, quản lý chất lượng xét nghiệm là một yêu cầu song hành không thể thiếu trong hoạt động xét nghiệm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu kiến thức:

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản sử dụng trong đảm bảo chất lượng xét nghiệm và trong nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm
2. Trình bày được các thông số thống kê trong kiểm tra chất lượng xét nghiệm
3. Phân tích các quy luật và biện luận kết quả nội kiểm và các biện pháp khắc phục khi kết quả nội kiểm không đạt
4. Trình bày được ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm và phân tích kết quả ngoại kiểm

3.2. Mục tiêu kỹ năng:

1. Có kỹ năng cơ bản về xây dựng, sắp xếp, quản lý và liên kết các thiết bị phòng xét nghiệm
2. Thực hiện được đảm bảo chất lượng xét nghiệm ở cả 3 giai đoạn xét nghiệm
3. Vẽ và phân tích, biện luận được biểu đồ Levey-Jenning trong phân tích kết quả nội kiểm

3.3. Mục tiêu thái độ:

1. Thể hiện được tư duy của người quản lý trong xây dựng, lắp đặt thiết bị và quản lý làm việc tại lab xét nghiệm. Có thái độ thận trọng, tỷ mỉ, chính xác và trung thực
2. Thể hiện thái độ cẩn thận, tỷ mỉ và trung thực khi thực hiện kết quả xét nghiệm để đảm bảo chất lượng xét nghiệm

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài giảng	Số tiết		
		LT	TH	T/học
Lý thuyết				
1	Giới thiệu chung về hệ thống Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm	2		4
2	Giới thiệu chung về các bộ tiêu chuẩn công nhận chất lượng của Quốc tế và Việt Nam	2		4
3	Thiết kế phòng xét nghiệm	2		4
4	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng xét nghiệm	4		8

5	Quản lý thông tin phòng xét nghiệm (mua sắm, kiểm kê, quản lý sự cố, tài liệu – hồ sơ)	4		8
6	Tổ chức nhân sự phòng xét nghiệm	2		4
7	Nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm (IQC, sổ tay lấy mẫu, sổ tay ĐBCL)	8		16
8	Ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm	4		8
9	Giới thiệu về các phòng ATSH cấp 1, cấp 2, cấp 3	2		4
Thực hành				
1	Tham quan các loại phòng xét nghiệm (đa khoa và chuyên khoa)		8	
2	Lập sổ tay lấy mẫu		8	
3	Viết SOPs (đa khoa và chuyên khoa)		16	
4	Phân tích kết quả nội kiểm (Vẽ và phân tích biểu đồ Levey Jennings)		20	
5	Phân tích kết quả ngoại kiểm		8	
Tổng số		30	60	60

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống, bài phát tay và công cụ hỗ trợ (máy chiếu)
- Thực hành:
 - + Thảo luận nhóm
 - + Mô tả, minh họa bằng tranh ảnh, video, clip
 - + Hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với phân tích tình huống

6. Tài liệu dạy và học:

6.1. Tài liệu dạy học

- Tài liệu phát tay do bộ môn cung cấp.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Hữu Tâm – Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm TP. Hồ Chí Minh: Những vấn đề cơ bản trong đảm bảo chất lượng xét nghiệm y khoa, nhà xuất bản Y học 2012.

- Trần Hữu Tâm – Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm TP. Hồ Chí Minh: Nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm, nhà xuất bản Y học 2012.

- Trần Hữu Tâm – Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm TP. Hồ Chí Minh: Ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm, nhà xuất bản Y học 2012.

- Thông tư 01/2013/TT-BYT: Hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám chữa bệnh.

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-01-2013-TT-BYT-huong-dan-thuc-hien-quan-ly-chat-luong-xet-nghiem-164494.aspx>

- QĐ 5530/QĐ-BYT: Ban hành hướng dẫn xây dựng quy trình thực hành chuẩn trong quản lý chất lượng xét nghiệm.

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quy-dinh-5530-QD-BYT-xay-dung-quy-trinh-thuc-hanh-chuan-trong-quan-ly-chat-luong-xet-nghiem-299100.aspx>

- Bộ Y tế (2012), Thông tư số 25/2012/TT-BYT ngày 29/11/2012, về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thực hành và an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-25-2012-TT-BYT-Quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-thuc-hanh-an-toan-sinh-hoc-152591.aspx>

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...

- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...

- Đánh giá kết thúc học phần: 100%

+ Thi thực hành: trả lời câu hỏi bốc ngẫu nhiên ra giấy, trình bày về bài làm.
Cán bộ hỏi thi sẽ tiến hành kiểm tra các vấn đề liên quan.

+ Thi lý thuyết: thi tự luận với các câu ngắn

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

- Chuyên cần: tham gia học tập đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành.

- Kiểm tra thường xuyên: chấm điểm sau mỗi buổi thực hành.

8. Cơ sở vật chất:

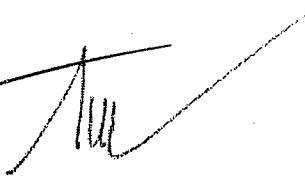
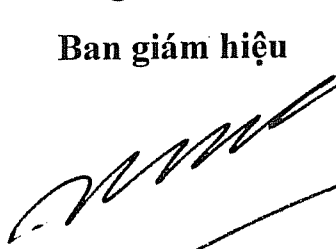
- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.

- Thực hành: giảng dạy tại phòng thực hành của Bộ môn và các phòng xét nghiệm bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Hải Phòng.

Ban giám hiệu

Khoa KTYH

Phụ trách bộ môn



TS. Nguyễn Hùng Cường

TS. Vũ Văn Thái

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG: SV LT CAO ĐẲNG – ĐẠI HỌC

Học phần I: VI SINH ĐẠI CƯƠNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: Vi sinh I

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 30	Thực hành: 22

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Sinh viên KTYH liên thông

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa 1, Mô học

Học phần học trước:

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, Huyết học

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kỹ thuật Vi sinh

- | | |
|-------------------------------|------------------------|
| - TS. Nguyễn Hùng Cường | - BS. Trịnh Thị Hằng |
| - ThS. Hoàng Thị Hải Yến | - CN. Nguyễn Quang Huy |
| - ThS. Trần Thị Vượng | - CN. Vũ Thị Nữ |
| - Th.S. Phạm Thị Tâm | |
| - CN. Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh | |
| - CN. Nguyễn Thị Thanh Phượng | |

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh, vaccin và huyết thanh, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể. Các kiến thức này là cơ sở để sinh viên học tiếp các chuyên đề về vi khuẩn và virus gây bệnh.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên KTYH năm thứ hai.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh, vaccin và huyết thanh, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể.

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và cơ sở và dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh, huyết học, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus và các kiến thức bổ trợ: vac xin, huyết thanh, hệ thống bảo vệ cơ thể chống vi sinh vật và kháng sinh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh, vaccin và huyết thanh, bệnh nhiễm trùng, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể chống vi sinh vật.

Về kỹ năng

- Thực hiện được kỹ thuật nhuộm vi khuẩn (Nhộm đơn, Gram, Ziehl-Neelsen) và nhận biết được hình thể của vi khuẩn trên tiêu bản nhuộm.
- Thực hiện được kỹ thuật kháng sinh đồ và phân tích được kết quả.
- Biết được một số qui trình nuôi cấy chẩn đoán vi khuẩn; nguyên lý một số kỹ thuật miễn dịch và SHPT ứng dụng trong chẩn đoán vi sinh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Bài 1	Đại cương VSV và VSV y học Danh pháp và phân loại. Hình thể, cấu tạo và sinh lý vi khuẩn	3	6
Bài 2	Di truyền học vi khuẩn Kháng nguyên của VSV	2	4
Bài 3	Đại cương virus và phage	2	4
Bài 4	Sự đề kháng của cơ thể chống VSV Kháng sinh và kháng kháng sinh	2	4
Bài 5	Vi hệ bình thường Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của VSV	2	4
Bài 6	Các kỹ thuật miễn dịch dùng trong chẩn đoán vi sinh	2	4
Bài 7	Vaccin và huyết thanh miễn dịch Nguyên tắc chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh nhiễm trùng	2	4
Tổng số		15	30

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Sử dụng kính hiển vi và quan sát hình thể vi khuẩn	4	2
Bài 2	Kỹ thuật làm tiêu bản Kỹ thuật nhuộm đơn, nhuộm Gram, nhuộm Ziehl - Neelsen	6	4
Bài 3	Chuẩn bị dụng cụ và môi trường nuôi cấy Nuôi cấy vi khuẩn trên môi trường lỏng, đặc	8	4
Bài 4	Kỹ thuật kháng sinh đồ	8	8
Bài 5	Quan sát một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong y học (thăm quan lab và giới thiệu)	4	4
Tổng		30	22

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi-rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Kỹ thuật cơ bản và đảm bảo chất lượng trong xét nghiệm vi sinh y học. – PGS. TS. Đinh Hữu Dung / Nhà xuất bản y học - 2008; 90tr; 27cm.
- Thực hành đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vi sinh – Viện vệ sinh dịch tễ trung ương – Nhà xuất bản y học; 2011; 294tr; 27cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;
- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology

Link:

http://microbiology.sbm.u.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_miceobiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

* Đánh giá ban đầu:

- Hỏi thăm

* Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

* Đánh giá kết thúc học phần:

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.
- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Thi viết
- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết + Điểm thi thực hành)/2**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ẩm
- 01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ẩm CO₂, hốt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chúc*

Ngày 1 tháng 8 năm 2017

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Hùng Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG: SV LT CAO ĐẲNG – ĐẠI HỌC

Học phần II: CÁC VI SINH VẬT GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần: Vi sinh II
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 1 Thực hành: 2
- Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 15 Thực hành: 60
- Số giờ tự học (tiết): Lý thuyết: 48 Thực hành: 28
- Đối tượng sinh viên (dự kiến): Sinh viên XNYH, kỳ 2 năm 2
- Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa 1, Mô học
- Học phần học trước: Vi sinh I
- Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, Huyết học
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kỹ thuật Vi sinh
- TS. Nguyễn Hùng Cường
- ThS. Hoàng Thị Hải Yến
- ThS. Trần Thị Vượng
- Th.S. Phạm Thị Tâm
- BS. Trịnh Thị Hằng
- CN. Nguyễn Quang Huy

- CN. Vũ Thị Nữ
- CN. Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh
- CN. Nguyễn Thị Thanh Phương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng và cơ chế gây bệnh, các phương pháp chẩn đoán nhiễm vi sinh vật gây bệnh, cách phòng và nguyên tắc điều trị các bệnh nhiễm trùng) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh nguy hiểm trong y học.. Các kiến thức này là phần cơ sở để sinh viên tiếp cận phần vi sinh lâm sàng.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên KTYH năm thứ hai.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kiến thức về đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng và cơ chế gây bệnh, các phương pháp chẩn đoán nhiễm vi sinh vật gây bệnh, cách phòng và nguyên tắc điều trị các bệnh nhiễm trùng gây bởi vi sinh vật.

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản, cơ sở, đặc biệt sinh viên phải hoàn thiện học phần vi sinh I. Học phần vi sinh II dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh II, huyết học II, ký sinh trùng II, giải phẫu bệnh.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.
- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức cơ bản về các vi sinh vật gây bệnh thường gặp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Các đặc điểm cơ bản nhất (đặc điểm sinh vật hóa học, khả năng và cơ chế gây bệnh, các phương pháp chẩn đoán nhiễm vi sinh vật gây bệnh, cách phòng và nguyên tắc điều trị các bệnh nhiễm trùng) của một số căn nguyên vi khuẩn, virus gây bệnh nguy hiểm trong y học.

Về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật nhuộm vi khuẩn, nuôi cấy phân lập định danh vi khuẩn, kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh phục vụ chẩn đoán nhiễm vi sinh vật gây bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Bài 1	Các cầu khuẩn gây bệnh thường gặp.	4	6
Bài 2	<i>Enterobacter</i> , Dịch hạch	4	6
Bài 3	<i>Vibrio</i> , <i>H. pylori</i> , <i>Campylobacter</i>	2	4
Bài 4	Ho gà, Bạch hầu, <i>H. influenzae</i> Trực khuẩn than, <i>Brucella</i>	2	4
Bài 5	<i>Acinetobacter</i> , <i>Pseudomonas</i> <i>Mycobacterium</i> , Vi khuẩn kỵ khí	4	6
Bài 6	Một số xoắn khuẩn gây bệnh <i>Rickettsia</i> , <i>Chlamydia</i> , <i>Mycoplasma</i>	2	4
Bài 7	<i>Myxovirus</i> , <i>Arbovirus</i> .	4	6
Bài 8	<i>Enterovirus</i> , <i>Rotavirus</i> , <i>Adenovirus</i> .	2	4
Bài 9	Virus Herpes và thủy đậu.	2	4
	Virus đại. HPV		

Bài 10	Các virus gây viêm gan. Virus gây hội chứng SGMD ở người.	4	4
Tổng số		30	48

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Chẩn đoán một số vi khuẩn đường ruột (vi khuẩn sử dụng đường bằng hình thức lên men): <i>E.coli, Salmonella, Shigella, Klebsiella, Enterobacter...</i>	12	4
Bài 2	Chẩn đoán vi khuẩn tả, trực khuẩn mủ xanh (vi khuẩn sử dụng đường bằng hình thức oxy hóa)	12	4
Bài 3	Chẩn đoán vi khuẩn tụ cầu (<i>S. aureus, S.epidermidis, S. saprophyticus</i>)	12	4
Bài 4	Chẩn đoán vi khuẩn liên cầu, phế cầu	8	4
Bài 5	Chẩn đoán vi khuẩn: lao, lậu, <i>chlamydia</i>	8	4
Bài 6	Chẩn đoán nhiễm các virus viêm gan HBV, HCV, HIV	4	4
Bài 7	Chẩn đoán nhiễm và xác định genotype HPV	4	4
Tổng		60	28

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm

- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Kỹ thuật cơ bản và đảm bảo chất lượng trong xét nghiệm vi sinh y học. – PGS. TS. Đinh Hữu Dung / Nhà xuất bản y học - 2008; 90tr; 27cm.
- Thực hành đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vi sinh – Viện vệ sinh dịch tễ trung ương – Nhà xuất bản y học; 2011; 294tr; 27cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;
- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs

Link:

http://microbiology.sbm.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_miceobiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

* Đánh giá ban đầu:

- Hỏi thăm

* Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

*** Đánh giá kết thúc học phần:**

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.

- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp

- Thi kết thúc học phần: Thi viết

- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết + Điểm thi thực hành)/2**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ẩm
- 01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ẩm CO₂, hốt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH

Ngày 1 tháng 8 năm 2017

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Hùng Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔN: XÉT NGHIỆM CƠ BẢN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Xét nghiệm cơ bản
- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 2 tín chỉ Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian: 75 tiết Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học (tiết): 30 giờ Thảo luận:
- Thuộc chương trình đào tạo: Bachelor's degree
- Đối tượng sinh viên (dự kiến): **Cử nhân xét nghiệm Y học VLVH (CD-ĐH)**
- Loại môn học: Bắt buộc ☒ Lựa chọn ☐
- Học phần tiên quyết: Hóa học, Vật lý-Lý sinh, Điều dưỡng cơ bản-Cấp cứu ban đầu, Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm.
- Học phần học trước: giáo dục đại cương (các môn chung và cơ sở khối ngành), cơ sở ngành.
- Các môn học song hành: Sinh học di truyền, Mô phôi, Sinh lý
- Môn học kế tiếp: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Vi sinh
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kỹ thuật Sinh học phân tử
- Các cán bộ giảng dạy:
 1. TS. Bạch Thị Như Quỳnh - Trưởng Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
 2. ThS. Lê Hồng Thu – Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
 3. ThS. Ngô Thị Mai Hương – Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
 4. CN. Nguyễn Văn Thành - Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. CN. Nguyễn Thị Hồng – Kỹ thuật viên Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. Mô tả học phần

2.1. Vai trò

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về an toàn sinh học trong phòng thí nghiệm, biết sử dụng thành thạo các dụng cụ, máy móc và tiến hành các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm xét nghiệm y học.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, được giảng dạy cho đối tượng cử nhân Kỹ thuật Y học hệ vừa làm vừa học từ cao đẳng lên đại học năm thứ nhất.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Phương thức xây dựng, tổ chức, quản lý phòng thí nghiệm xét nghiệm y học
- Các vấn đề an toàn sinh học trong phòng thí nghiệm
- Những thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm xét nghiệm y học
- Cách sử dụng và bảo quản các dụng cụ, máy móc trong phòng thí nghiệm xét nghiệm y học

2.4. Quan hệ với các học phần khác

Kiến thức học phần là nền tảng cơ bản cho các kỹ thuật chuyên ngành nên cần được giảng dạy trước tất cả các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành khác.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học trên mô hình, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy, tự học kỹ năng.
- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,...

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản về máy móc, dụng cụ, bố trí trong phòng thí nghiệm y học; đồng thời sinh viên có kỹ năng thao tác chuẩn đảm bảo sự an toàn cho người, mẫu bệnh phẩm và môi trường.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp;

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

Hiểu biết các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các thao tác kỹ thuật cơ bản trong hoạt động chuyên ngành.
- Thực hiện, kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.
- Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y sinh học.
- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng xét nghiệm.
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

4. Tóm tắt nội dung học phần

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Tổ chức, quản lý phòng xét nghiệm	1	2	2
2	Các cấp độ an toàn sinh học phòng xét nghiệm	1	2	2
3	Xử lý tai nạn trong phòng xét nghiệm	1	2	2
4	Dụng cụ trong phòng xét nghiệm	1	2	2
5	Kính hiển vi quang học	1	2	2
6	Nước trong phòng xét nghiệm	1	2	2
7	Pha chế dung dịch	1	2	2
8	Các loại pipet	1	2	2
9	Các đơn vị đo lường trong hệ thống SI	1	2	2
10	Tủ an toàn sinh học	1	2	2
11	Máy đo pH	1	2	2
12	Tủ lạnh, máy lắc	1	2	2
13	Tủ ẩm, tủ sấy	1	2	2
14	Nồi hấp ướ	1	2	2
15	Máy ly tâm	1	2	2
Tổng		15	30	30

5. Phương pháp dạy- học

5.1. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, vấn đáp, seminar...
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định, phân tích và đánh giá kết quả, thảo luận nhóm, ...

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên mô hình, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy, tự học kỹ năng.

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn Kỹ thuật Sinh học phân tử biên soạn và sách sử dụng và kiểm chuẩn trang thiết bị hóa lý phòng xét nghiệm do BSCKII. Nguyễn Hoài Nam chủ biên.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình xét nghiệm cơ bản trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.
2. Giáo trình kỹ thuật xét nghiệm cơ bản trường Đại học Y Hà Nội.
3. Sử dụng và kiểm chuẩn trang thiết bị hóa lý phòng xét nghiệm. *Nhà xuất bản Y học Hà Nội.*
4. Sử dụng và kiểm chuẩn trang thiết bị phòng xét nghiệm vi sinh. *Nhà xuất bản Y học.*

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: vấn đáp bằng một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các chuyên ngành có liên quan

7.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình:

- Chuyên cần:điểm danh
- Kiểm tra tự học và học bài cũ: dựa trên các câu hỏi vấn đáp ngắn
- Kiểm tra thường xuyên:kiểm tra câu hỏi vấn đáp ngắn trước và sau mỗi bài học, kiểm tra trắc nghiệm nhanh bài cũ, lượng giá củng cố nội dung giảng dạy
- Trình bày Seminar

7.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:

- Kiểm tra thực hành:
 - + Tiêu chí đánh giá các bài thực hành: đánh giá độ thuần thực thao tác thực hành và vấn đáp kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức
- Thi kết thúc học phần: thi viết.
 - + Thời lượng thi: 60 phút
 - + Sinh viên không được mang tài liệu khi thi

Trọng số (%) các điểm:

- Điểm chuyên cần : 0% (Điều kiện)
- Kiểm tra thường xuyên : 0% (Điều kiện)
- Điểm kiểm tra thực hành : 30%
- Thi kết thúc học phần : 70%
- Điểm kết thúc học phần được tính bằng công thức: $KTHP = (LT + TH*2)/3$

8. Cơ sở vật chất

8.1. Học phần lý thuyết: Tại các giảng đường của trường, có đầy đủ máy chiếu, phấn, bảng và bàn ghế đủ cho số lượng sinh viên.

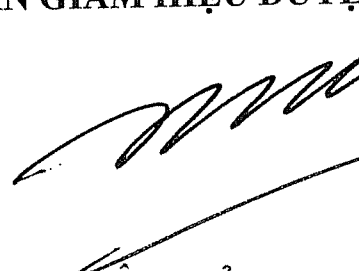
8.2. Học phần thực hành:

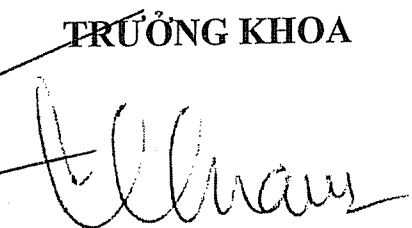
- Địa điểm: Phòng thực hành tầng 10 Khoa Kỹ thuật Y học và Labo Sinh học phân tử tầng 12 nhà B.
- Trang thiết bị: bao gồm các máy móc, dụng cụ, hóa chất, vật tư tiêu hao do nhà trường cung cấp phù hợp với nội dung bài giảng.

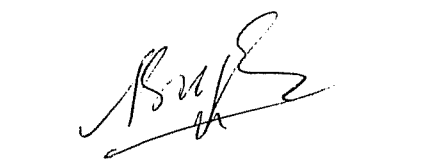
BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN


HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*


BSCKII. Trần Hoài Nam


TS. Bạch Thị Như Quỳnh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHOA KỸ THUẬT Y HỌC
BỘ MÔN KT HUYẾT HỌC-TRUYỀN MÁU

Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2017

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU
HỌC PHẦN: HUYẾT HỌC NÂNG CAO

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: Huyết học III

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 5	Thực hành: 10

Thuộc chương trình đào tạo: Bậc đại học

Đối tượng sinh viên (dự kiến): **LIÊN THÔNG VHVL TỪ CĐ LÊN ĐH**

Loại môn học: Bắt buộc ☒ Lựa chọn ☐

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Mô học, huyết học tế bào, huyết học đông máu, huyết học truyền máu

Học phần học trước:

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, vi sinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kỹ thuật huyết học

Giáo viên giảng dạy bao gồm: Hoàng Văn Phóng

: Nguyễn Thị Thu Trang

: Nguyễn Thu Hiền

: Phạm Thị Lộc

: Mạc Thị Tịnh

Dạy môn Huyết học- truyền máu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu như Kỹ thuật xét nghiệm tủy đồ; Kỹ thuật nhuộm hóa học tế bào (PAS, Peroxydase, Sudan đen, esterase không đặc hiệu); Kỹ thuật định nhóm máu khó hệ ABO; Xét nghiệm D-Dimer, Nghiệm pháp rượu, Nghiệm pháp Von – Kaulla; Tìm tế bào Hagraves và kháng thể kháng nhân; Sàng lọc và định danh kháng thể bất thường; Các bước truyền máu lâm sàng

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên KTYH năm thứ hai.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu như Kỹ thuật xét nghiệm tủy đồ; Kỹ thuật nhuộm hóa học tế bào (PAS, Peroxydase, Sudan đen, esterase không đặc hiệu); Kỹ thuật định nhóm máu khó hệ ABO; Xét nghiệm D-Dimer, Nghiệm pháp rượu, Nghiệm pháp Von – Kaulla; Tìm tế bào Hagraves và kháng thể kháng nhân; Sàng lọc và định danh kháng thể bất thường; Các bước truyền máu lâm sàng

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và cơ sở và dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có được các kiến thức chuyên sâu như kỹ thuật xét nghiệm tủy đồ; Kỹ thuật nhuộm hóa học tế bào (PAS, Peroxydase, Sudan đen, esterase không đặc hiệu); Kỹ thuật định nhóm máu khó hệ ABO; Xét nghiệm D-Dimer, Nghiệm pháp rượu, Nghiệm pháp Von – Kaulla; Tìm tế bào Hagerman và kháng thể kháng nhân; Sàng lọc và định danh kháng thể bất thường; Các bước truyền máu lâm sàng

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu như Kỹ thuật xét nghiệm tủy đồ; Kỹ thuật nhuộm hóa học tế bào (PAS, Peroxydase, Sudan đen, esterase không đặc hiệu); Kỹ thuật định nhóm máu khó hệ ABO; Xét nghiệm D-Dimer, Nghiệm pháp rượu, Nghiệm pháp Von – Kaulla; Tìm tế bào Hagerman và kháng

thể kháng nhân; Sàng lọc và định danh kháng thể bất thường; Các bước truyền máu lâm sàng

Về kỹ năng

- Thực hiện được Kỹ thuật xét nghiệm tủy đồ
- ; Kỹ thuật nhuộm hóa học tế bào (PAS, Peroxydase, Sudan đen, esterase không đặc hiệu)
- ; Kỹ thuật định nhóm máu khó hệ ABO;
- Xét nghiệm D-Dimer, Nghiệm pháp rượu, Nghiệm pháp Von – Kaulla;
- Tìm tế bào Hagraves và kháng thể kháng nhân;
- Sàng lọc và định danh kháng thể bất thường;
- Các bước truyền máu lâm sàng
- Tuyển chọn được người hiến máu;

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Bài 1	Kỹ thuật xét nghiệm tủy đồ	2	1
Bài 2	Kỹ thuật nhuộm hóa học tế bào (PAS, Peroxydase, Sudan đen, esterase không đặc hiệu)	2	0
Bài 3	Xét nghiệm D-Dimer, Nghiệm pháp rượu, Nghiệm pháp Von - Kaulla	2	1
Bài 4	Tế bào Hagraves và kháng thể kháng nhân	1	0
Bài 5	Đo độ ngưng tập tiểu cầu	1	0
Bài 6	Kỹ thuật định nhóm máu khó hệ ABO	2	1
Bài 7	Sàng lọc và định danh kháng thể bất thường	1	0

Bài 8	Các bước truyền máu lâm sàng	2	1
Bài 9	Các tai biến truyền máu và cách xử trí	2	1
Tổng số		15	5 tiết

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Kỹ thuật tủy đồ	8	2
Bài 2	Nhuộm hóa học tế bào (PAS, Peroxydase, Sudan đen, esterase không đặc hiệu)	6	2
Bài 3	Xét nghiệm D-Dimer, Nghiệm pháp rượu, Nghiệm pháp Von-Kaulla	4	2
Bài 4	Tế bào Hagerman và kháng thể kháng nhân	4	2
Bài 5	Kỹ thuật định nhóm máu khó hệ ABO	4	2
Bài 6	Các bước truyền máu lâm sàng	4	0
Tổng số		30	10 tiết

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, quan sát theo nhóm, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...

- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Bài giảng huyết học truyền máu : Sau đại học. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung. nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản huyết học / Bộ y tế - Vụ khoa học và đào tạo. nhà xuất bản Y học, 1995.

6.2. Tài liệu tham khảo

3. Bệnh lý tế bào nguồn tạo máu: chẩn đoán và điều trị / Đỗ Trung Phần. nhà xuất bản: Y học, 2003.
4. Cầm máu - đông máu: kỹ thuật và ứng dụng trong lâm sàng / Nguyễn Ngọc Minh. nhà xuất bản Y học, 1997
5. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học : Ban hành kèm theo Quyết định số 1494/QĐ-BYT ngày 22/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - nhà xuất bản Y học, 2016.
6. Hướng dẫn điều trị bệnh thiếu máu / Công Sĩ. - Cà Mau : nhà xuất bản Mũi Cà Mau, 2000.
7. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Huyết học - Truyền máu - Miễn dịch - Di truyền - Sinh học phân tử : Ban hành kèm theo Quyết định số 2017/QĐ-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - nhà xuất bản Y học, 2015.
8. Huyết học - truyền máu: sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học. - nhà xuất bản Y học, 2009.
9. Huyết học lâm sàng: những vấn đề có tính chất định hướng = Clinical hematology: a problem - oriented approach. / Isbister. James P. - nhà xuất bản Y học, 1997.
10. Lâm sàng huyết học / Trần Văn Bé. nhà xuất bản Y học, 1998. - 487tr. ; 21cm. (1)

11. Máu và các chế phẩm máu : Tổ chức y tế thế giới.-. - nhà xuất bản Y học, 1988.
12. Máu, truyền máu, các bệnh máu thường gặp / Thái Quý. – nhà xuất bản Y học, 2002.
13. Sổ tay truyền máu / Trần Văn Bé. - nhà xuất bản Y học, 1982.
14. Thực hành huyết học và truyền máu kỹ thuật và lâm sàng / Trần Văn Bé. - Tp. HCM. : nhà xuất bản Y học, 2003.
15. Truyền máu hiện đại : Cập nhật và ứng dụng trong điều trị bệnh / Đỗ Trung Phần. - nhà xuất bản Giáo dục, 2012.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu:

+ Gặp mặt sinh viên đánh giá trình độ kiến thức chuyên ngành huyết học truyền máu trước mỗi học phần bằng hỏi vấn đáp sơ bộ.

+ Thời lượng: 1 tiết đầu giờ

+ Yêu cầu: Biết được tầm quan trọng của chuyên ngành huyết học – truyền máu trong lab và trên đối tượng bệnh nhân.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số chung là 10%

Chuyên cần: điểm danh

+ Theo dõi quá trình học của sinh viên, thái độ tham gia khi học lý thuyết và thực hành tại bộ môn, quá trình thảo luận bài tập nhóm...

- Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: điểm thi kết thúc học phần có trọng số 90%

+ Hình thức thi: Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp

: Thi kết thúc học phần: Thi viết

Điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.

Điểm kết thúc học phần được tính như sau:

Điểm kết thúc học phần được tính bằng công thức $KTHP = (LT*2+TH)/3$

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: phòng học rộng rãi, có quạt điện hoặc điều hòa vào mùa hè, ấm vào mùa đông.

Đầy đủ bàn ghế cho sinh viên ngồi học, thông thường 1- 2 sinh viên ngồi 1 bàn.

- Thực hành: Phòng thực hành sạch sẽ, thoáng gió.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỜNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

TS. Nguyễn Hùng Cường

TS. Hoàng Văn Phóng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU

HỌC PHẦN: HUYẾT HỌC CHUYÊN SÂU

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: Huyết học IV

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 5	Thực hành: 10

Thuộc chương trình đào tạo: Bachelor

Đối tượng sinh viên (dự kiến): **LIÊN THÔNG VHVL TỪ CĐ LÊN ĐH**

Loại môn học: Bắt buộc ☒ Lựa chọn ☐

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Mô học, huyết học tế bào, huyết học đông máu, huyết học truyền máu

Học phần học trước:

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, vi sinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kỹ thuật huyết học

Giáo viên giảng dạy bao gồm: Hoàng Văn Phóng

: Nguyễn Thị Thu Trang

: Nguyễn Thu Hiền

: Phạm Thị Lộc

: Mạc Thị Tịnh

Dạy môn Huyết học- truyền máu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu như các bệnh lý thuộc chuyên ngành huyết học như thiếu máu, bệnh lý tế bào nguồn tạo máu,

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên CD liên thông lên đại học

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu: Trình bày được phân loại bệnh lý tế bào nguồn và chẩn đoán phân loại bằng hình thái tế bào Phân loại bệnh rối loạn sinh tủy; Phân loại suy tủy xương; Phân loại hội chứng tăng sinh tủy ác tính; Phân loại hội chứng tăng sinh tủy mạn tính; Phân loại bệnh lý tế bào nguồn ngoài tủy

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và cơ sở và dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có được các kiến thức chuyên sâu như : Trình bày được phân loại bệnh lý tế bào nguồn và chẩn đoán phân loại bằng hình thái tế bào Phân loại bệnh rối loạn sinh tủy; Phân loại suy tủy xương; Phân loại hội chứng tăng sinh tủy ác tính; Phân loại hội chứng tăng sinh tủy mạn tính; Phân loại bệnh lý tế bào nguồn ngoài tủy

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu: Trình bày được phân loại bệnh lý tế bào nguồn và chẩn đoán phân loại bằng hình thái tế bào Phân loại bệnh rối loạn sinh tủy; Phân loại suy tủy xương; Phân loại hội chứng tăng sinh tủy ác tính; Phân loại hội chứng tăng sinh tủy mạn tính; Phân loại bệnh lý tế bào nguồn ngoài tủy

Về kỹ năng

- Phân loại các bệnh lý tế bào nguồn
- Phân loại được các hình thái tế bào trong một số bệnh máu ác tính và lành tính
- Phân loại được các bệnh lý tế bào nguồn ngoài tủy

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học

Bài 1	Phân loại bệnh lý tế bào nguồn tạo máu	2	1
Bài 2	Phân loại bệnh rối loạn sinh tủy	2	1
Bài 3	Phân loại suy tủy xương	2	1
Bài 4	Phân loại hội chứng tăng sinh tủy ác tính	4	1
Bài 5	Phân loại hội chứng tăng sinh tủy mạn tính	2	1
Bài 6	Phân loại bệnh lý tế bào nguồn ngoài tủy	3	0
Tổng số		15	5 tiết

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Phân loại bệnh lý tế bào nguồn tạo máu	8	2
Bài 2	Phân loại bệnh rối loạn sinh tủy	6	2
Bài 3	Phân loại suy tủy xương	4	2
Bài 4	Phân loại hội chứng tăng sinh tủy ác tính	4	2
Bài 5	Phân loại hội chứng tăng sinh tủy mạn tính	4	2
Bài 6	Phân loại bệnh lý tế bào nguồn ngoài tủy	4	0
Tổng số		30	10 tiết

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.

- Hướng dẫn kỹ thuật, quan sát theo nhóm, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...

- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...

- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

1. Bài giảng huyết học truyền máu : Sau đại học. - Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung. nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản huyết học / Bộ y tế - Vụ khoa học và đào tạo. nhà xuất bản Y học, 1995.

6.2. Tài liệu tham khảo

3. Bệnh lý tế bào nguồn tạo máu: chẩn đoán và điều trị / Đỗ Trung Phần. nhà xuất bản: Y học, 2003.
4. Cầm máu - đông máu: kỹ thuật và ứng dụng trong lâm sàng / Nguyễn Ngọc Minh. nhà xuất bản Y học, 1997
5. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học : Ban hành kèm theo Quyết định số 1494/QĐ-BYT ngày 22/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - nhà xuất bản Y học, 2016.
6. Hướng dẫn điều trị bệnh thiếu máu / Công Sĩ. - Cà Mau : nhà xuất bản Mũi Cà Mau, 2000.
7. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Huyết học - Truyền máu - Miễn dịch - Di truyền - Sinh học phân tử : Ban hành kèm theo Quyết định số 2017/QĐ-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - nhà xuất bản Y học, 2015.

8. Huyết học - truyền máu: sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học. - nhà xuất bản Y học, 2009.
9. Huyết học lâm sàng: những vấn đề có tính chất định hướng = Clinical hematology: a problem - oriented approach. / Isbister. James P. - nhà xuất bản Y học, 1997.
10. Lâm sàng huyết học / Trần Văn Bé. nhà xuất bản Y học, 1998. - 487tr. ;

11. Máu và các chế phẩm máu : Tổ chức y tế thế giới.-. - nhà xuất bản Y học, 1988.
12. Máu, truyền máu, các bệnh máu thường gặp / Thái Quý. – nhà xuất bản Y học, 2002.
13. Sổ tay truyền máu / Trần Văn Bé. - nhà xuất bản Y học, 1982.
14. Thực hành huyết học và truyền máu kỹ thuật và lâm sàng / Trần Văn Bé. - Tp. HCM. : nhà xuất bản Y học, 2003.
15. Truyền máu hiện đại : Cập nhật và ứng dụng trong điều trị bệnh / Đỗ Trung Phần. - nhà xuất bản Giáo dục, 2012.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu:

+ Gặp mặt sinh viên đánh giá trình độ kiến thức chuyên ngành huyết học truyền máu trước mỗi học phần bằng hỏi vấn đáp sơ bộ.

+ Thời lượng: 1 tiết đầu giờ

+ Yêu cầu: Biết được tầm quan trọng của chuyên ngành huyết học – truyền máu trong lab và trên đối tượng bệnh nhân.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: có trọng số chung là 10%

Chuyên cần: điểm danh

+ Theo dõi quá trình học của sinh viên, thái độ tham gia khi học lý thuyết và thực hành tại bộ môn, quá trình thảo luận bài tập nhóm...

- Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: điểm thi kết thúc học phần có trọng số 90%

+ Hình thức thi: Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp

: Thi kết thúc học phần: Thi viết

Điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần.

Điểm kết thúc học phần được tính như sau:

Điểm kết thúc học phần được tính bằng công thức $KTHP = (LT + TH) / 2$

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: phòng học rộng rãi, có quạt điện hoặc điều hòa vào mùa hè, ấm vào mùa đông.

Đầy đủ bàn ghế cho sinh viên ngồi học, thông thường 1- 2 sinh viên ngồi 1 bàn.

- Thực hành: Phòng thực hành sạch sẽ, thoáng gió.

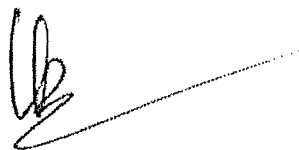
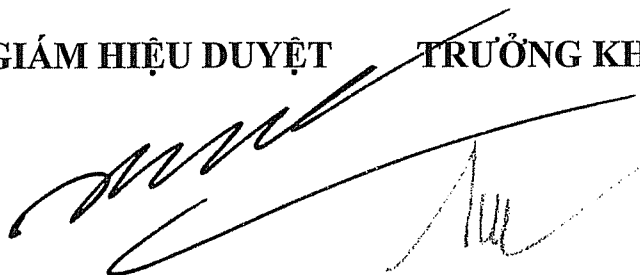
Đầy đủ hóa chất trong từng bài học cho mỗi sinh viên được thực hiện làm xét nghiệm

Dụng cụ trang thiết bị đầy đủ cho mỗi sinh viên thực hành.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Hùng Cường

TS. Hoàng Văn Phóng

GS.TS. *Phạm Văn Chiêu*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Y SINH HỌC PHÂN TỬ

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Y Sinh học phân tử
- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Số giờ tự học (tiết): 49 giờ Thảo luận:
- Thuộc chương trình đào tạo: Bậc đại học
- Đối tượng sinh viên (dự kiến): **Cử nhân xét nghiệm Y học VLVH (CD-ĐH)**
- Loại môn học: Bắt buộc ☒ Lựa chọn ☐
- Học phần tiên quyết: Hóa học, Vật lý-Lý sinh, Điều dưỡng cơ bản-Cấp cứu ban đầu, Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm, Xét nghiệm cơ bản, Sinh học, Di truyền.
- Học phần học trước: giáo dục đại cương (các môn chung và cơ sở khối ngành), cơ sở ngành.
- Các môn học song hành: Sinh học di truyền, Mô phôi, Sinh lý
- Môn học kế tiếp: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Vi sinh
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kỹ thuật Sinh học phân tử
- Các cán bộ giảng dạy:
 1. TS. Bạch Thị Như Quỳnh - Trưởng Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
 2. ThS. Lê Hồng Thu – Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
 3. ThS. Ngô Thị Mai Hương – Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
 4. CN. Nguyễn Văn Thành - Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. CN. Nguyễn Thị Hồng – Kỹ thuật viên Giảng viên Bộ môn KT Sinh học phân tử – Khoa Kỹ thuật Y học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. Mô tả học phần

2.1. Vai trò

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về sinh học phân tử và ứng dụng của các kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng cử nhân Kỹ thuật Y học hệ vừa làm vừa học từ cao đẳng lên đại học năm thứ nhất.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kỹ thuật Y sinh học phân tử cơ bản
- Kỹ thuật ứng dụng trong chẩn đoán phân tử

2.4. Quan hệ với các học phần khác

Kiến thức học phần là các kỹ thuật chuyên ngành nên được giảng dạy trên nền tảng các học phần thuộc kiến thức cơ bản.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học trên mô hình, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy, tự học kỹ năng.

- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,...

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản về sinh học phân tử và ứng dụng của các kỹ thuật sinh học phân tử trong y học

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp;
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên

Về kiến thức

- Hiểu biết các nguyên lý, quy trình chung và cách tiến hành các kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh.

Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các thao tác kỹ thuật cơ bản trong sinh học phân tử.
- Thực hiện, kiểm tra và giám sát các quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm sinh học phân tử.
- Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y sinh học.
- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng xét nghiệm.
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

4. Tóm tắt nội dung học phần

4.1. Lý thuyết

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Bài 1	Acid nucleic - Cấu tạo - Phân loại - Dòng chảy thông tin di truyền	4	6
Bài 2	Hóa chất thông dụng sử dụng trong tách chiết acid nucleic - Các loại hoá chất trong tách chiết ADN - Các loại hoá chất trong tách chiết ARN - Các loại hoá chất sử dụng tinh chế Acid nucleic	4	6
Bài 3	Thu nhận và tinh chế Acid nucleic - Nguyên lý - Quy trình chung - Các phương pháp và kỹ thuật thu nhận DNA, RNA	4	6
Bài 4	Xác định nồng độ Acid nucleic: - Nguyên tắc - Phương pháp tính nồng độ acid nucleic dựa trên kết quả đo quang. - Kiểm tra độ sạch của acid nucleic	4	6
Bài 5	Điện di DNA và RNA:	4	5

	- Nguyên lý - Điện di trên gel agarose		
Bài 6	Phạm vi ứng dụng chẩn đoán phân tử - Bệnh do virus - Bệnh do vi khuẩn - Ung thư - Bệnh di truyền (chẩn đoán trước làm tổ, chẩn đoán trước sinh)	2	5
Bài 7	Các kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán phân tử: - PCR - RT-PCR - REALTIME PCR - SEQUENCING	8	15
Tổng		30	49

4.2. Thực tập

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		TH	Tự học
Bài 1	Kỹ thuật tách chiết DNA/RNA - Chuẩn bị mẫu - Thao tác tiến hành - Thực hành trên mẫu bệnh phẩm - Kiểm tra và phân tích kết quả	8	
Bài 2	Kỹ thuật điện di - Chuẩn bị hoá chất - Các bước tiến hành - Thực hành trên máy - Nhuộm gel - Soi gel trên máy UV - Đọc và phân tích kết quả	4	
Bài 3	Kỹ thuật xác định nồng độ acid nucleic bằng quang phổ kế - Chuẩn bị mẫu - Đo nồng độ acid nucleic trên máy - Phân tích kết quả	2	

Bài 4	Kỹ thuật PCR - Trộn phản ứng - Cài đặt chương trình nhiệt trên máy - Đưa mẫu vào máy, vận hành chạy trên máy - Kiểm tra kết quả - Phân tích và nhận định	4	
Bài 5	Kỹ thuật RT- PCR - Trộn phản ứng - Cài đặt chương trình nhiệt trên máy - Đưa mẫu vào máy, vận hành chạy trên máy - Kiểm tra kết quả - Phân tích và nhận định	4	
Bài 6	Kỹ thuật REALTIME PCR - Chuẩn bị mẫu - Tiến hành trộn mẫu - Cài đặt chương trình trên máy - Đưa mẫu vào và cho máy chạy - Quan sát kết quả - Phân tích và nhận định kết quả	4	
Bài 7	Kỹ thuật Sequencing - Thực hành trộn phản ứng - Thực hành vận hành máy - Phân tích kết quả dựa trên picture mẫu	4	
Tổng		30	49

5. Phương pháp dạy-học

5.1. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, vấn đáp, seminar, tiểu luận ...
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định, phân tích và đánh giá kết quả, thảo luận nhóm, ...

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên mô hình, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy, tự học kỹ năng.

6. Tài liệu dạy-học

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn Kỹ thuật Sinh học phân tử biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. T.A.Brown, Gene Cloning, edition 3th. *Chapman & Hall*.
2. Jeremy W.Dale and Malcolm von Schantz . From Genes to Genomes Concepts and applications of DNA technology, edition second. *Wiley*.
3. Phạm Kim Ngọc, Phạm văn Phúc và cộng sự. Công nghệ sinh học trên người và động vật. *Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam*.
4. Tạ Thành Văn. Con đường tín hiệu tế bào và dấu ấn sinh học trong chẩn đoán. Tái bản lần thứ nhất. *Nhà xuất bản khoa học giáo dục*.
5. Phan Văn Chi. Proteomic Khoa học về hệ protein. *Nhà xuất bản Viện Công nghệ sinh học Việt Nam*. 2006
6. Trần Lê Bảo Hà, Tô Minh Quân, Đoàn Nguyên Vũ. Công nghệ Vật liệu sinh học. Tái bản lần thứ nhất. *Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam*. 2012
7. Phạm Kim Ngọc, Phạm Văn Phúc, Trương Định. Công nghệ tế bào gốc. Tái bản lần thứ nhất. *Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam*. 2010
8. Võ Thị Thương Lan. Giáo trình Sinh học phân tử tế bào và ứng dụng. *Nhà xuất bản giáo dục*. 2009.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Đánh giá ban đầu:

-Hình thức: vấn đáp bằng một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các chuyên ngành có liên quan: xét nghiệm cơ bản, Sinh học di truyền,...

7.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra tự học và học bài cũ: dựa trên các câu hỏi vấn đáp ngắn
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra câu hỏi vấn đáp ngắn trước và sau mỗi bài học, kiểm tra trắc nghiệm nhanh bài cũ, lượng giá củng cố nội dung giảng dạy
- Trình bày Seminar

7.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:

- Kiểm tra thực hành:
 - + Tiêu chí đánh giá các bài thực hành: đánh giá độ thuần thực thao tác thực hành và vấn đáp kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức
- Thi kết thúc học phần: thi viết.
 - + Thời lượng thi: 60 phút
 - + Sinh viên không được mang tài liệu khi thi

Trọng số (%) các điểm:

- Điểm chuyên cần : 0% (Điều kiện)
- Kiểm tra thường xuyên : 0% (Điều kiện)
- Điểm kiểm tra thực hành : 30%
- Thi kết thúc học phần : 70%
- Điểm kết thúc học phần được tính bằng công thức: $KTHP = (LT + TH*2)/3$

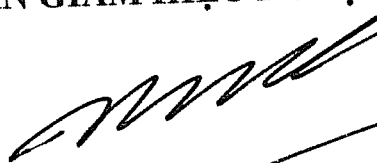
8. Cơ sở vật chất

8.1. Học phần lý thuyết: Tại các giảng đường của trường, có đầy đủ máy chiếu, phấn, bảng và bàn ghế đủ cho số lượng sinh viên.

8.2. Học phần thực hành:

- Địa điểm: Phòng thực hành tầng 10 Khoa Kỹ thuật Y học và Labo Sinh học phân tử tầng 12 nhà B.
- Trang thiết bị: bao gồm các máy móc, dụng cụ, hóa chất, vật tư tiêu hao do nhà trường cung cấp phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TRƯỞNG KHOA



BSCKII. Trần Hoài Nam

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Bạch Thị Như Quỳnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ**

1. Mã số: Pháp luật và chính sách y tế

2. Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành:

3. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 2; Thực hành: 0)

5. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Bộ môn Pháp luật và Chính sách y tế thuộc Bộ môn Y học xã hội

6. Đối tượng: cử nhân KTYH hệ liên thông từ cao đẳng lên ĐH

7. Giảng viên giảng dạy:

- TS. Nguyễn Hải Ninh
- ThS. Nguyễn Thị Lan Anh
- BSKII. Nguyễn Bá Dụng

8. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những kiến thức chung về nhà nước và pháp luật.
2. Trình bày được kiến thức cơ bản của pháp luật chuyên ngành
3. Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp luật chính sách y tế.
4. Trình bày được quá trình hình thành, vai trò, ý nghĩa của luật BVSKND
5. Trình bày được nội dung chính của luật khám chữa bệnh và luật bảo hiểm y tế trong công tác y tế hiện nay.
6. Trình bày được khái niệm một số chính sách về y tế của Đảng và Nhà nước.
7. Vận dụng được những KT môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

9. Nội dung:

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	3		4
2	Nhà nước nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Bộ máy Nhà nước và Hệ thống chính trị	1		2

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
3	Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật, QPPL và VBQPPL	2		4
4	Quan hệ PL, thực hiện PL, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	2		4
5	Luật Hiến Pháp – Luật Dân sự, Tổ tụng dân sự	3		7
6	Luật Hành chính – Luật Lao động	3		7
7	Luật Hình sự - Pháp luật phòng chống tham nhũng	3		7
8	Pháp Luật Kinh tế - Luật Hôn nhân gia đình	3		4
9	Khái niệm về luật pháp chính sách trong y tế, vai trò, ý nghĩa về nội dung các luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân	3		7
10	Nội dung của luật khám chữa bệnh và luật BH y tế	4		7
11	Một số chính sách về y tế của nhà nước Việt Nam	3		7
TỔNG SỐ:		30		60

10. Phương pháp dạy - học:

10.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Bài tập tình huống: Đưa ra các giả thuyết nhận định và phân tích tình huống, thảo luận nhóm, đưa ra bài học

10.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Khi làm các bài tập tình huống: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và phân tích, nhận định từ đó rút ra hướng giải quyết vấn đề.
- Sinh viên tự học: sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

11. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi. Sinh viên cần học trước các học phần: NLCB1,2 để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.

- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn

Đưa ra các tình huống liên quan các nội dung được học và tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn chia nhóm giải quyết

- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm

+ Tỷ trọng điểm: LT

12. Tài liệu học tập:

12.1. Tài liệu giảng dạy

1. Tài liệu do Pháp luật và chính sách y tế Bộ môn biên soạn,

12.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Luật Dân sự 2005

2. Bộ Luật Lao động 2012

3. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014.

4. Luật khám chữa bệnh 2009

5. Chính sách y tế

6. Luật phòng chống tham nhũng

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TS. Nguyễn Hải Ninh

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HẢI PHÒNG

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BỘ MÔN VI SINH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG : SV LT CAO ĐẲNG – ĐẠI HỌC

Học phần III: XÉT NGHIỆM VI SINH CÁC BỆNH PHẨM LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: Vi sinh III

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 30	Thực hành: 40

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Sinh viên KTYH liên thông

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Mô học

Học phần học trước: Vi sinh II

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Hóa sinh, Huyết học

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kỹ thuật Vi sinh

- TS. Nguyễn Hùng Cường
- ThS. Hoàng Thị Hải Yến
- ThS. Trần Thị Vượng
- Th.S. Phạm Thị Tâm
- BS. Trịnh Thị Hằng

- CN. Nguyễn Quang Huy
- CN. Vũ Thị Nữ
- CN. Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh
- CN. Nguyễn Thị Thanh Phương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về các qui trình xét nghiệm tìm vi sinh vật gây bệnh trong các bệnh phẩm trên lâm sàng: Mủ, phân, nước tiểu, đờm, máu, dịch viêm đường sinh dục. Các kiến thức này là phần cơ sở để sinh viên có thể tiếp cận được các công việc xét nghiệm vi sinh lâm sàng tại bệnh viện.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học chuyên ngành, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên KTYH năm thứ ba.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Các qui trình xét nghiệm tìm vi sinh vật gây bệnh trong các bệnh phẩm trên lâm sàng: Mủ, Phân, nước tiểu, đờm, máu, dịch viêm đường sinh dục.

2.4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành xét nghiệm nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản, cơ sở, đặc biệt sinh viên phải hoàn thiện học phần vi sinh II. Học phần vi sinh III (vi sinh lâm sàng) dạy đồng thời với một số môn chuyên ngành khác như hóa sinh III, huyết học III, ký sinh trùng III.

2.5. Nội dung – phương pháp tự học của sinh viên

- Sinh viên tự học qua tài liệu sách giáo khoa, bài giảng của giảng viên, tranh ảnh, tài liệu sưu tầm, tài liệu giảng dạy trên mạng, tự học kỹ năng qua thực hành.
- Sinh viên làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm để chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề...

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1. Mục tiêu chung

- Sinh viên có được các kiến thức cơ bản về các qui trình xét nghiệm tìm vi sinh vật gây bệnh trong các bệnh phẩm trên lâm sàng: Mủ, phân, nước tiểu, đờm, máu, dịch viêm đường sinh dục.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với giảng viên và các thành viên trong lớp.
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Các kiến thức cơ bản về các qui trình xét nghiệm tìm vi sinh vật gây bệnh trong các bệnh phẩm trên lâm sàng: Mủ, Phân, nước tiểu, đờm, máu, dịch viêm đường sinh dục.

Về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật lấy bệnh phẩm, nhuộm trực tiếp tiêu bản bệnh phẩm, nhuộm vi khuẩn, sử dụng thành thạo các môi trường nuôi cấy phân lập định danh

được các vi khuẩn gây bệnh thường gặp từ các loại bệnh phẩm mủ, phân, nước tiểu, đờm, máu, dịch viêm đường sinh dục. Thực hiện được một số kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh phục vụ chẩn đoán nhiễm vi sinh vật gây bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Bài 1	Quy trình xét nghiệm bệnh phẩm mủ (nguồn gốc từ vết thương, ổ áp xe, nhiễm trùng vết bỏng, mủ xoang...) tìm vi sinh vật gây bệnh?	3	6
Bài 2	Quy trình xét nghiệm bệnh phẩm phân tìm vi sinh vật gây bệnh?	3	6
Bài 3	Quy trình xét nghiệm bệnh phẩm nước tiểu tìm vi sinh vật gây bệnh?	3	6
Bài 4	Quy trình xét nghiệm bệnh phẩm đường sinh dục tìm vi sinh vật gây bệnh?	2	4
Bài 5	Quy trình xét nghiệm bệnh phẩm đờm tìm vi sinh vật gây bệnh?	2	4
Bài 6	Quy trình xét nghiệm bệnh phẩm máu tìm vi sinh vật gây bệnh?	2	4
Tổng số		15	30

4.2. THỰC HÀNH

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Thực hành	Tự học
Bài 1	Xét nghiệm bệnh phẩm mủ (nguồn gốc từ vết	6	8

	thương, ổ áp xe, nhiễm trùng vết bỏng, mũ xoang...) tìm vi sinh vật gây bệnh?		
Bài 2	Xét nghiệm bệnh phẩm phân tìm vi sinh vật gây bệnh?	6	8
Bài 3	Xét nghiệm bệnh phẩm nước tiểu tìm vi sinh vật gây bệnh?	6	8
Bài 4	Xét nghiệm bệnh phẩm đường sinh dục tìm vi sinh vật gây bệnh?	4	4
Bài 5	Xét nghiệm bệnh phẩm đờm tìm vi sinh vật gây bệnh?	4	4
Bài 6	Xét nghiệm bệnh phẩm máu tìm vi sinh vật gây bệnh?	4	8
Tổng		30	40

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, ...
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,...

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.

- Kỹ thuật cơ bản và đảm bảo chất lượng trong xét nghiệm vi sinh y học. – PGS. TS. Đinh Hữu Dung / Nhà xuất bản y học - 2008; 90tr; 27cm.
- Thực hành đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vi sinh – Viện vệ sinh dịch tễ trung ương – Nhà xuất bản y học; 2011; 294tr; 27cm.
- Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng/ Nhà xuất bản y học - 2006; 146tr; 27cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;
- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology

Link:

http://microbiology.sbm.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_miceobiology.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

*** Đánh giá ban đầu:**

- Hỏi thăm

*** Đánh giá quá trình:**

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự tìm hiểu,...

*** Đánh giá kết thúc học phần:**

- Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc

học phần.

- Thi thực hành: Hỏi thi vấn đáp

- Thi kết thúc học phần: Thi viết

- **Điểm TKHP = (Điểm thi lý thuyết + Điểm thi thực hành)/2**

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bộ môn có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

Tại Bộ môn Vi sinh - Trường ĐH YDHP

- 01 phòng thực hành 1: gồm 20 kính hiển vi, tủ ẩm
- 01 phòng thực hành 2: gồm 13 kính hiển vi, tủ sấy, tủ ẩm CO₂, hốt vô trùng, nồi hấp vô trùng, thiết bị, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

Ngày 1 tháng 8 năm 2017

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

TS. Nguyễn Hùng Cường